



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

100/50
H 195
bD678

PHÁT-HUY VĂN-HÓA DÂN-TỘC

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP
TẬP I

do **NGUYỄN NGỌC-HUY**
NGUYỄN-DUY
SĨ-CHÍ
NGUYỄN VĂN-Y
AN-CU

cùng viết

Nhóm Đồng-Nai xuất-bản

Tháng 11 năm 1965



Trong tập 1 :

- Lời nói đầu
- Anh-hùng-ca và Văn-học Việt-nam
- Chế-độ giám-sát ở Trung-quốc
- Bến-tre (Kiến-hòa ngày nay)
qua văn-chương bình-dân
(tục-ngữ, ca-đạo, chuyện-cổ)
- Một nhà-thơ trẻ miền Nam :
Hồn-Thu-Thảo
- Bản chuyện xưa nay : Biết người

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

AN CƯ

NGUYỄN NGỌC-HUY

NGUYỄN DUY

NGUYỄN VĂN Y

SĨ-CHÍ

Tao-đàn :

- Đùng bắt anh hò-hẹn
- Mùa hạ qua rồi
- Ngày về sông nước xa xưa
- Dáng buồn của em

HỒN-THU-THẢO

do An Cư trông coi

vài lời nói đầu

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP đến với **Quý-Vị Độc-giả** trong khói-lửa rải-rác của **Đất-Nước**. Người Việt-nam đang chật-vật và xót-xa về bản-thân và về quốc-gia dân-tộc : Ai cũng lo-âu, đầy về dăm-chiều ; tìm hiểu, riêng và chung ; nghi-ngợi ; có lúc đầu-óc trống-rỗng và bối-rối.

Ngày đêm, Việt-nam Cộng-hòa rỉ máu, bị bắt buộc rỉ máu. Những nỗi đau-đớn triền-miên, phải là người Việt-nam mới cảm thấy được. Nhưng cái gì phản và phi-dân-tộc, cái gì phản và phi-quốc-gia, cái gì hủ-hóa... tất tất sẽ bị nỗi đau-thương này gạn sạch-ráo. Việt-nam đang lột-xác để vươn lên, vươn lên cao, khỏe-mạnh và rắn-chắc hơn. Đừng ai nghĩ rằng Việt-nam ngừng bước, đứng lại trong những khó-khăn hiện-giờ, tạm-thời. Xưa kia, cuộc Trịnh-Nguyễn phân-tranh đã đưa đến sự hoàn-tất công-trình Nam Tiến. Việt-nam đang tiến và tiến mạnh.

Người cầm viết phải thấy và nhận thấy, trong cái hiện-tại « nhiều khó-khăn », cái « đang chuyển mình » và cái « đang tiến » để theo kịp nhịp tiến-bộ của dân-tộc ; muốn vậy, nhà-văn phải sống những cảm-tình và suy-tưởng của người cùng thời, qua các tầng lớp trong xã-hội, phải chia-xẻ cái sướng cùng cái khổ, cái yên cùng cái nguy của người đương-thời. Người cầm viết phải sống cả « cái đang chuyển mình » của con người trong thời-đại, mà chính con người không ý-thức được.

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP cố-gắng theo chiều hướng đó.

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

BIÊN-KHẢO CỦA AN-CU

ANH - HÙNG - CA

VÀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

LỜI NÓI ĐẦU : Jean Suberville, trong quyển *Lý-thuyết về Nghệ-thuật và về Loại Văn-phẩm* (Théorie de l'Art et des Genres Littéraires), trang 245, viết : « ...Người ta có thể kết-luận rằng một dân-tộc không có anh-hùng-ca rất đáng đợc coi như một dân-tộc không linh-hồn, không lý-tưởng và không lịch-sử ». Lời nói trên phải nhận là thái-quá, nhưng chính cái đó khiến chúng ta lưu-ý rằng theo như Jean Suberville nghĩ, anh - hùng - ca là một loại rất quan - trọng trong thi - ca ; nhưt là nghĩ đến sử nước nhà và đọc lại sử Việt-nam, chúng ta thấy đầy dẫy những cố-gắng và những đấu-tranh cam-go, triền-miên và phi-thường của dân-tộc chúng ta, nào phải chống với quân Nguyên, quân Minh, rồi quân Thanh trong những hoàn-cảnh hết sức ngặt-nghèo, thật không khác nào « châu-chấu đá xe » hay « lấy trứng chọi đá », nào cuộc Nam Tiến, đầy chông-gai chướng-ngại, đòi hỏi ở toàn-thể dân-tộc cả một sự khôn-ngoan, tri-chí, kiên-gan và dũng-cảm... Ngần ấy trương sử oai-hùng, oanh-liệt ! Mà chỉ lưu lại trong văn-chương Việt-nam không đợc mấy bài anh-hùng-ca ! Điều đó có đáng-tiếc hay không thì không rõ ? Nhưng phải nhận là lạ thật ! Vật-liệu cung-cấp cho sự xây-dựng

W 219460

101

anh - hùng - ca không thiếu. Lại nữa, trong hai mươi năm nay, 1945-1965, bao nhiêu gương can-đảm và anh-dũng phi-thường đã xuất-hiện, làm kinh-ngạc người quốc-nội và người quốc-ngoại, trong cuộc chiến-tranh ác-liệt mưu giành lại nền độc-lập và duy-trì chủ-quyền quốc-gia cùng nền văn-hóa cổ-hữu của dân-tộc. Chúng ta thử nghĩ lại, trong vòng hai mươi năm nay, chúng ta có được bao nhiêu bài anh-hùng-ca. Hơn nữa, hiện nay, chúng ta có thể-thơ tám tiếng, trong thơ mới, thể này về âm-vận rất phù-hợp để làm loại anh-hùng-ca. Vậy mà hằng ngày trên sách báo, người ta làm, nhiều quá, những bài thơ du-dương, đôi khi ủy-mị, có lúc lại là những lời làm tình công-khai như mấy câu dưới đây :

*Trót thương anh, em làm thơ trao tặng,
Anh bạo-tàn đi trên mảnh tim yêu.*

rồi lại

*Ở phương này, em rét lạnh... anh ơi !
Anh không về để sưởi ấm tim cô
Đề âu-yếm ru em vào giấc ngủ.*

(Trích trong một tờ báo)

Vì lẽ trên, chúng tôi viết bài này với ý-định thật khiêm-tốn là làm cho các nhà-văn, thi-sĩ lưu tâm hơn đến loại thi-ca có tính-chất anh-hùng mà đề-tài và nguồn hứng không khiếm-khuyết trong dòng lịch-sử của nước nhà, nhưt là không khiếm-khuyết trong truyền-thống anh-dũng của dân-tộc chúng ta, luôn luôn được chứng-minh qua các thử-thách trên bước thăng-trầm kể từ ngày lập quốc.

Để tiện cho các nhà-văn, thi-sĩ nào trong tương-lai muốn nghiên-cứu về nghệ-thuật và kỹ-thuật viết anh-hùng-ca, chúng tôi sẽ lần-lượt trình-bày tổng-quát về loại anh-hùng-ca, kể đó nói đến anh-hùng-ca trong văn-chương cổ-La-Hy, trong văn-chương Pháp và trong văn-chương Ấn-độ; chúng tôi cũng đề-cập đến trường-hợp của Trung-hoa mà nhiều nhà học-giả Việt-Nam cho là không có anh-hùng-ca; điều đó đúng hay sai? Chúng tôi sẽ

không quên duyệt qua số thi-ca Việt-nam có tánh-cách anh-hùng-ca từ thời cổ đến hiện-đại với các thi-sĩ Thế-Lữ, Phạm Huy-Thông và Đẳng-Phương; cuối cùng chúng tôi thử phát-biểu một vài nhận-xét về loại anh-hùng-ca của Trung-hoa và của Việt-nam.

I. - BÀN TỔNG-QUÁT VỀ ANH-HÙNG-CA :

1) Đối-tượng :

Anh-hùng-ca thường xuất-hiện và thành-hành trong thời-kỳ ấu-trĩ của các dân-tộc; đó là một loại thi-ca sơ-thủy mà đối-tượng là sự vĩ-đại huy-hoàng. Bất-kỳ dân-tộc nào cũng cần, trong buổi sơ-khởi, nuôi-dưỡng những trang sử rực-rỡ với hình-thức thực-thà nên-thơ, bởi lúc bấy giờ, óc tưởng-tượng binh-dân thùo-dệt lên trên phong-tục tập-quán và pha-trộn sự huyền-bí vào đời sống thực-tế; tất nhiên, mỗi mẩu chuyện anh-hùng-ca có vẻ hoang-đường đều chứa-đựng một nội-dung của sự-thực lịch-sử; chẳng hạn trận đánh thành Troie, mà quyền *Iliade* của Homère ca-tụng, có thực-sự; cuộc chiến-tranh này là vụ va-chạm đầu-tiên được biết giữa châu Âu và châu Á mà thành Troie là điểm gặp-gỡ của hai lục-địa này. Các Tiều-Thuyết anh-hùng-ca của thi-hệ La Table Ronde thuật lại các cuộc chống-cự của dân dòng Celtes đối với giống dân Angles và Saxons xâm-lăng quần đảo Anh-cát-lợi hồi thế-kỷ thứ V và thế-kỷ thứ VI của kỷ-nguyên chúng ta. Tập anh-hùng-ca *La Chanson de Roland* bắt nguồn trong lần bại-trận của đoàn hậu-quân của Charlemagne bị một số đông dân rừng-núi phục-kích tại thung-lũng Roncevaux hồi năm 778.

Như vậy anh-hùng-ca, không những làm thỏa-mãn lòng say-đắm của một dân-tộc « trẻ » đối với những hư-tưởng lộng-lẫy cao-thượng, mà còn ghi-tạc vào hoài-niệm của dân-tộc đó những biến-cố quan-trọng và những khuôn-mặt vĩ-đại đã hiện ra rõ-rệt trong thời khởi-nguyên. Anh-hùng-ca dùng làm gạch-nối giữa hiện-tại và dĩ-vãng của một dân-tộc, giúp cho dân-tộc

đó thêm ý-thức về đời sống tinh-thần tập-thể và sự trường-tồn của nó trong thời-gian và không-gian ; tóm lại, anh-hùng-ca luôn luôn làm cho sống lại những hồi-ký huy-hoàng mà « một quốc-gia có nhiều người chết hơn người sống » (Taine) và « chính là người chết điều-khiển người sống » (A. Comte).

Chưa hết ; những tín-ngưỡng của một giống dân mọc rễ trong những phong-tục xa-xôi và thiêng-liêng hơn hết. Dĩ-nhiên, anh-hùng-ca vừa biểu-hiện cho dư-âm của các cuộc đấu-tranh mà một dân-tộc phải đương-đầu để bảo-vệ sự sanh-tồn của quốc-gia và vừa là những huyền-thoại có tánh-cách tôn-giáo phát-sanh từ các quan-niệm tiên-khởi về thần-linh. Loại thi-ca cổ-sơ này gọi lên cả một thế-giới huyền-bi trong đó chư thần và con người sống gần nhau một cách kỳ-diệu lạ-thường và cử-động trong một khung-cảnh nửa thực nửa hư. Người ta thường bỏ quên tính-chất tôn-giáo ảo-hoặc này, cần-thiết cho một bản anh-hùng-ca.

Tóm lại, anh-hùng-ca là sự bày-tỏ lòng sùng-bái đối với các tập-tục được thêu-dệt cho đẹp và đối với những hư-tượng rực-rỡ cao-thượng, cũng là lòng sùng-mộ đối với các bậc anh-hùng dân-tộc và là lòng tôn-sùng đối với các nhân-vật được coi như hiển-thánh ; đó là một đối-tượng có ba mặt của loại anh-hùng-ca.

2) Định-nghĩa :

Theo F. Germain, giáo-sư thạc-sĩ tại Lycée de Cannes, trong quyển *Nghệ-thuật phê-bình anh-hùng-ca* (L'Art de commenter une épopée) trang 44, anh-hùng-ca là một áng-văn bằng thể thơ hay bằng thể văn-xuôi có tánh-chất thi-vị *chuyên-chú tán-dương những tình-cảm anh-hùng hơn là quan-tâm viết đúng sự-thực của lịch-sử*. Anh-hùng-ca thiên về lối văn *kỹ-thuật*, nghĩa là động-tác của câu chuyện được diễn lại dưới hình-thức thuật-truyện : Trường-thuật các cuộc phiêu-lưu, các chuyện giặc-giã, không nhằm mục-đích làm thỏa-mãn tánh

(Xem tiếp trang 50)

CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT Ở TRUNG-QUỐC

● Nguyễn-ngọc-Huy

Vấn-đề ngăn-chống nạn lạm-quyền là một vấn-đề quan-trọng đặt ra cho mọi chế-độ chánh-trị. Các quốc-gia dân-chủ có nhiều biện-pháp để giữ cho nhà cầm-quyền không thể áp-chế dân-chúng, hoặc vi-phạm pháp-luật. Bản-chất của chế-độ dân-chủ làm cho việc giải-quyết vấn-đề ngăn-chống nạn lạm-quyền tương-đối dễ thành-công. Trong những quốc-gia theo chế-độ độc-tài, việc ngăn-chống nạn lạm-quyền khó hơn nhiều. Tuy vậy, vấn-đề không phải là hoàn-toàn không giải-pháp.

Trước khi tiếp-xúc với nền văn-hóa Tây-phương, Trung-quốc chỉ biết có một chế-độ chánh-trị : chế-độ quân-chủ chuyên-chánh. Nhưng nếu nền chánh-trị-học Trung-quốc không tìm ra được những chế-độ chánh-trị khác để thay thế chế-độ quân-chủ chuyên-chánh như các quốc-gia Tây-phương, nó đã đặc-biệt lưu-tâm đến việc ngăn-chống nạn lạm-quyền. Từ ngàn xưa, Trung-quốc đã thiết-lập chế-độ giám-sát. Trong chủ-nghĩa Tam-Dân, Tôn-Văn xem chế-độ giám-sát này là một đặc-điểm đáng khen của Trung-quốc. Bởi đó, ông chủ-trương theo hiến-pháp ngũ-quyền, lập một viện Giám-Sát để kiểm-soát việc làm của chánh-phủ. Như vậy, từ đời thái-cổ cho đến khi Trung-Cộng chiếm đoạt được chánh-quyền, Trung-quốc luôn luôn có chế-độ giám-sát.

Cố-nhiên là chế-độ này không phải là bất biến : nó đã thay đổi nhiều qua các triều-đại khác nhau.

I.— CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT ĐỜI ÂN CHÂU

Chế-độ giám-sát Trung-quốc phát-xuất từ chức sử-quan. Thật ra thì trong một triều-đại, không phải chỉ có một người chép sử, mà danh-hiệu của chức quan cũng không phải có một. Về hai đời Ân và Châu, những viên quan lo việc chép sử đã mang những chức Sử, Thái-Sử, Nội-Sử, Tác-Sách, Ngự-Sử, Tả-Sử, Hữu-Sử, Cỗ-Sử, Trụ-Hạ-Sử v.v...

Đời phong-kiến, chức-vụ sử-quan không phải riêng vương-triều mới có, các vua chư-hầu cũng đều đặt chức sử-quan. Nhiệm-vụ các sử-quan này là chép lại những hành-vi ngôn-ngữ của vua và những quan đại-thần cầm quyền chánh-trị trong nước, để lưu lại làm gương hay làm kinh-nghiệm cho đời sau.

Muốn làm tròn nhiệm-vụ, người chép sử phải giỏi về văn-học, lại phải am-hiểu các vấn-đề chánh-trị và học-thuật đương thời. Ngoài ra, ông ta còn phải biết kỹ-thuật làm sử. Bởi đó, chức sử-quan là một chức cha truyền con nối, và thường thì tất cả các anh em trong một gia-đình đều là sử-quan.

Cổ lệ bắt buộc sử-quan phải chép đúng sự thật, không thêm bớt, không sửa-chữa. Bởi đó, người trong gia-đình sử-quan được đào-luyện cho có tinh-thần cương-trực, không vì tham quyền-lợi hay sợ oai-thể mà bẻ cong ngòi bút của mình. Cổ lệ cũng bắt buộc vua quan thời đó kính nể sự tự-do ngôn-luận của sử-quan. Chuyện Triệu Thuần và Thôi Tử đối-đãi với các sử-quan nước Tấn và nước Tề đã chứng-tỏ những điều này một cách rõ-rệt.

Vua Linh-Công nước Tấn vốn là một nhà vua hôn-bạo, làm nhiều điều tàn-ác. Quan đại-phu Triệu Thuần can-gián mãi nên vua lấy làm ghét, muốn hại Triệu Thuần. Triệu Thuần bỏ trốn, nhưng không ra khỏi nước Tấn. Kế đó, thân-nhơn Triệu Thuần là Triệu Xuyên mưu giết Linh-Công, rồi rước

Triệu Thuần về tôn vua khác lên ngôi. Quan Thái-sử nước Tấn là Đồng Hồ chép : « Triệu Thuần giết vua ». Triệu Thuần bảo Đồng Hồ chép như thế là sai, nhưng Đồng Hồ cãi lại : « Ngài làm chánh-khanh, bỏ đi nhưng chưa ra khỏi nước ; khi trở về, ngài lại không hỏi tội người hạ sát vua. Như vậy, không phải ngài thì còn ai giết vua nữa ? » Triệu Thuần đành phải chịu. Phê-bình việc này, Khổng tử đã viết trong kinh Xuân Thu : « Đồng Hồ là một quan Sử tốt đời xưa. Ông ta theo đúng phép làm sử, không giấu sự thật. Triệu Tuyên tử (Triệu Thuần) là một quan đại-phu tốt đời xưa. Ông ta đã chịu mang tiếng xấu để giữ cho phép viết sử không bị vi-phạm. Thật là đáng tiếc ! Giá như ông ta đã ra khỏi nước Tấn thì khỏi mang tiếng xấu ấy » (Xem Xuân Thu Tả Truyện, năm thứ nhì vua Tuyên-Công).

Vua Trang-Công nước Tề thông-gian với vợ Thôi Tử nên Thôi Tử mưu giết đi. Quan Thái-Sử nước Tề chép : « Thôi Tử giết vua ». Thôi Tử nổi giận, giết ông ta rồi đòi em ông ta đến, bắt phải viết khác đi, nhưng em quan Thái-Sử vẫn chép y như anh mình. Thôi Tử giết luôn hai người em của quan Thái-Sử, đến người em út cũng không chịu đổi. Cuối cùng, Thôi Tử phải chịu thua, và tha giết cho người em út quan Thái-Sử. Trong khi đó, quan Nam-Sử nghe tin Thái-Sử và các em bị giết, vội-vã mang thẻ đến để chép việc Thôi Tử giết vua ; khi biết được em út của quan Thái-Sử còn sống và đã chép việc Thôi Tử giết vua rồi ông ta mới chịu về (Xem Xuân Thu Tả Truyện, năm thứ 25 vua Trương-Công).

Hai chuyện trên đây đã chứng-tỏ rằng :

1. — Trong một nước, có nhiều viên quan lo việc chép sử,
2. — Việc chép sử được xem là một công việc chuyên-môn, giao cho những gia-đình đặc-biệt đảm-nhiệm, và trong những gia-đình ấy, người nào cũng đều là sử-quan cả,
3. — Các sử-quan phải tôn-trọng sự thật, thà chịu chết chứ không chịu chép sai,
4. — Những nhà cầm quyền thời ấy thường kính-nể sử-quan, để cho sử-quan tự-do biên chép và phê-phán hành-động của

minh, Triệu Thuần không bắt ép Đồng Hồ sửa lại điều đã chép. Thôi Tử đã dùng võ-lực uy-hiếp gia-đình quan Thái-Sử nước Tề, nhưng sau khi giết ba anh em trong gia-đình này, ông ta phải chịu thua, và để cho người em út chép rõ sự thật.

Vì các sử-quan thời đó đều có tinh-thần cương-trực, chép đúng sự thật chớ không chịu chép sai, mà việc chép sử thuở ấy lại ngụ-ý bao biếm, nên các quan đều nể sợ sử-quan, là những người không có oai-thế lớn. Một mặt khác, sử-quan là người giỏi về văn-từ nên thường được vua dùng trong việc văn-kiện. Nhờ đọc tất cả các văn-thơ từ bốn phương gửi đến, họ rất am-hiểu tình-hình chánh-trị trong nước. Họ lại ở sát bên vua, nên thường được vua tin cậy, dùng làm tai mắt để dò xét bá quan, xem xét những việc làm của bá quan có điều gì trái phép thì cho vua biết để vua sửa trị.

Bởi những lý-do trên này, sử-quan lần lần trở thành một chức quan tư-hiến, chuyên lo bảo-vệ luật-pháp và giám-sát bá quan, cả quan ngoài lẫn quan trong đều bị sử-quan kiểm-soát.

Tuy nhiên, đời nhà Châu, nhiệm-vụ chánh-yếu của sử-quan vẫn là chép sử, việc giám-sát chỉ là việc phụ và chỉ được thi-hành một cách bán-chánh-thức mà thôi. Từ đời nhà Tần trở đi, chức-vụ viết sử và giám-sát mới phân ra, và chế-độ giám-sát mới được chánh-thức thành-lập ở Trung-quốc.

II.— CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT ĐỜI TẦN VÀ TÂY HÁN

Trong các quốc-gia phong-kiến đời Đông-Châu, nước Tần là nước đã đặc-biệt quan-trọng-hóa chức-vụ sử-quan. Trước khi thống-nhất thiên-hạ, Tần Thủy-Hoàng đã đặt một quan đại-phu thống-suất các quan ngự-sử, và gọi quan đại-phu đó là Ngự-Sử Đại-Phu. Sau khi gồm thâu lục-quốc, nhà Tần định lại quan chế, và nâng Ngự-Sử Đại-Phu lên hàng Tam Công.

(Xem tiếp trang 39)

BẾN-TRE

(Kiến-hòa ngày nay)

qua văn-chương bình-dân

(tục-ngữ, ca-dao, chuyện cổ)

★ NGUYỄN-DUY

*Người ta giàu nên đi Nam về Bắc
Còn tôi nghèo ôm chặt đất quê-hương
Non sông gấm vóc trăm đường,
Ưống đòng sửa mẹ, tôi thương Kiến-hòa...*

Tiếng hát trăm bông ấy nổi lên, mơ hồ, lung linh trong ánh trăng vàng vùng quê lúa chín.

Kiến-hòa (Bến-tre cũ), một tỉnh xinh xinh choán một phần đất phì nhiêu miền Nam trung châu sông Cửu-Long, là một khoảng đất chiếm ba cù-lao đổ ra biển bởi bốn cửa : Đại, Ba-lai, Hàm-luông, Cờ-chiên. Kiến-hòa ngày nay lớn hơn Bến-tre ngày xưa bởi hai quận An-hóa và Bình-đại của tỉnh Định-tường (Mỹ-tho) vừa sáp nhập do sắc-lệnh 143/VN ngày 22-10-1956 của Chánh-phủ.

Trước khi lược qua tục-ngữ, ca-dao, chuyện cổ tỉnh Bến-tre chúng tôi xin vẫn tắt chút ít lịch-sử.

Bến-tre trước kia thuộc Thủy-chân-lập. Người Miên gọi là Sóc-tre nghĩa là vùng có tre. Vùng này rất nhiều giồng (đất cao, bồi theo bờ sông) tre mọc um-tùm. Khoảng năm 1691, trong cuộc Nam tiến vĩ-đại của dân tộc, thời chúa Nguyễn-Hiến, người Việt-nam đến đây chiếm cứ và lập một cái chợ bên ven sông. Chợ sanh ra bến. Vì thế, Sóc-tre đổi thành

Bến-tre. Rạch chảy ra chợ gọi là rạch Bến-tre. Rạch này đổ ra sông Hàm-luông.

Bến-tre thuộc tỉnh Vĩnh-long, phủ Hoằng-trị, gồm cù lao Bảo, gọi là Hoằng-đạo phủ, sau đổi là Hoằng-trị phủ và cù lao Minh. Vào năm 1.778 chúa Nguyễn-Ánh lập ở cù lao Minh tổng Tân-an, thuộc huyện Định-viên và trấn Định-hoan. Năm 1.830, vua Minh-Mạng thành-lập tổng Minh-đạt tại Mỏ-cày. Năm 1836, vua Minh-Mạng ban dụ lập địa bạ huyện Tân-minh (tại Ba-vát) và huyện Duy-minh (tại Cái-quao) trực thuộc phủ Hoằng-trị (Vĩnh-Long). Năm 1.844, Thiệu-Trị cải phủ Hoằng-đạo làm phủ Hoằng-trị. Năm 1.851, Tự-Đức bỏ phủ Hoằng-an để lại phủ Hoằng-trị. Rồi từ ngày :

*Tờ le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa...*

(PHAN VĂN TRỊ)

thì triều-đình Huế bắt-lực đề mất luôn ba tỉnh miền Tây, mặc dù kinh-lược Phan-thanh-Giản đã hết sức điều-đình :

*Tan nhà căm nổi câu ly hận,
Cắt đứt thương thay cuộc giảng hòa !*

(PHAN VĂN TRỊ)

Đó là năm 1867. Từ đấy, cù lao Bảo và Minh tách khỏi Vĩnh-long để trở thành tỉnh Bến-tre. Ngày 23-9-1956, đại-hội dân quân chính tỉnh Bến-tre, thảo-luận, đề-nghị đổi tên Bến-tre là Kiến-hòa.

● VÀI MẪU CHUYỆN TÌNH TRONG VĂN CHƯƠNG BÌNH-DÂN

Cách tỉnh-ly Trúc-giang (Kiến-hòa) sáu cây số ngàn về phía đông có chợ Mỹ-lòng. Ngày xưa, nơi đây có một thôn-nữ rất đẹp. Chàng trai làng Châu-bình trộm yêu thôn-nữ ấy nhưng rồi thất-vọng vì, một hôm, nàng đã sang ngang. Đặc-điểm thực vật của làng Châu-bình là mấm Cồng. Mỗi năm Cồng chỉ lọt ngày mừng năm tháng năm, vì lẽ ấy mấm Cồng rất quý ở địa-phương này. Chàng trai Châu-bình muốn mượn hương vị mấm Cồng gửi tâm-tình mình đến thôn-nữ Mỹ-lòng :

*Thương em muốn tặng mấm Cồng,
Nhớ em muốn đến Mỹ-lòng thăm em.
Trách ai duyên-nợ xe lằm,
Cồng lọt, anh bắt mừng năm làm gì ?
Hôm qua thấy em ra đi,
Mất anh nhỏ giọt lòng thì nát tan.
Từ ngày em bước sang ngang,
Vui gì mà ở giang-san mấm Cồng !*

Thiên tình-sử đầy nước mắt này giống như hoàn-cảnh của một nhân-vật trong hai câu thơ cò, khi người yêu xuất giá :

*Hầu môn nứt nhập thâm như hải,
Tùng thử Tiêu lang thị lộ nhân.*

(một khi nàng đã vào nhà quyền quý thì xem uy-nghiêm sâu như biển. Rồi từ đó, chàng, người yêu lâu nay, phải tách xa không còn quan thiết đến và xem như kẻ đi đường vậy).

Tâm-hồn của chàng trai Châu-bình cũng giống như tâm-hồn kẻ thất-tình trong Sonnet d'Arvers :

Tình tuyệt vọng

*Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.
Tình tuyệt-vọng, nỗi thâm sâu,
Mà người gieo thắm như hầu không hay.
Hỡi ôi, người đó ta đây,
Sao ta thui thủi tháng ngày một thân ?
Dấu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng há dám một lần hở môi.
Người dù ngọc nói hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen...*

(KHÁI-HƯNG dịch)

Mấy năm qua như giấc mộng. Vào một buổi chiều vắng lúc hoàng hôn đã phủ màu tang trên cảnh vật, tình cò chàng trai Châu-bình có dịp ngang qua Mỹ-lòng. Chàng trai gặp nàng trong quán lạnh bên đường vô tình hay hữu ý, chàng khơi chuyện dĩ-vãng :

đồng-nai văn-tập — 13

Bảng treo tại chợ Mỹ-lòng
Chữ đề tên bậu có chồng hay chưa ?

Ngập-ngừng, cô gái chua chát trong câu trả lời vẫn tắt, chứa đựng vụn lời trách, phận hờn duyên :

Có chồng năm ngoái năm xưa
Năm nay chồng đề như chưa có chồng.

Rồi nước mắt đầm-đìa nàng than thân như đề chàng trai nghe rõ :

Sông Bến-tre nhiều hang cá ngác,
Đường Ba-vát gió mát tận xương,
Anh có thương em thì xe sợi chỉ hường,
Cho em nối lại mối tình thương ban đầu.

● PHỤ NỮ, THANH-NIÊN, BÔ LÃO

Nói đến Phụ-nữ, có lẽ gái Ba-tri nổi tiếng nhất về sự bảnh-bao duyên-dáng, nhu-mì :

Đèn nào cao bằng đèn Thủ-ngữ
Gió nào dữ bằng gió Đờng-nai,
Trai nào khôn bằng trai Cao-lãnh,
Gái nào bảnh bằng gái Ba-tri.

hay là :

Sông Bến-tre là sông nước mát
Đường kho bạc cát nhỏ dễ đi,
Gái Ba-tri nhiều đũa nhu mì
Lòng thương em bậu, sá gì đường xa.

Bởi hữu duyên nên gái Ba-tri được nhiều chàng trai ngắm-nghe :

Nước chảy xuôi, làn sóng ngược,
Sông đầy, không được, dồn xuống biển Ba-tri,
Em ơi, đừng sợ chuyện đó làm chi,
Anh đây chưa vợ, nhu mì nét na.

Có lẽ gái Bến-tre chịu ảnh-hưởng của địa-lý (có sông rạch, ruộng vườn), của thực-phẩm (cá, trái cây, rau) nên :

Bến-tre gái đẹp thật thà,
Nói năng nhỏ nhẹ, mặn mà có duyên.

hay là :

Đường xa xa thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một nàng,
Một nàng ấp ở Mỹ-an (1)
Một nàng vừa đẹp vừa sang như mình.

Bởi thế phần đông ai đến Bến-tre cũng có cảm tưởng lưu-luyến, nhớ nhung. Mỗi khi xa rời tỉnh, họ như nhớ tiếc :

Thấy dừa thì nhớ Bến-tre,
Thấy bông lúa đẹp thương về hậu-giang.

Tuy nhiên không phải tất cả cuộc tình duyên đều được thêu dệt bằng mộng đẹp. Lắm lúc, cuộc tình duyên giữa đôi nam nữ cũng gặp sự chua chát không ít nên cần phải thận-trọng trong việc xã-giao :

Mỹ-an bần chát mà chua,
Chẳng hay « người ấy » có chua như bần ?

Nếu, đã một lần phản-bội tình yêu mà nàng cố đóng trò giả-dối để xin tái hợp thì hãy coi chừng người con trai Bến-tre :

Ví dầu tình bậu muốn thôi,
Tình duyên muốn nỡ, bình vôi lên đầu !

Vì lẽ đó, chớ trách đàn ông ở Ba-lai hung dữ :

Sông Bà-lai sóng ngược
Chứa bao nhiêu nước cho vừa,
Sông Ba-đội sóng đánh tối ngày,
Đàn ông ở đây hung dữ hay đọa-đày vợ con.

Đó là trai và gái ở Bến-tre.

Nói đến các bô lão, tự-nhiên dân chúng năm lòng thành-ngữ :
« Ông già Ba-tri ». Sau đây là hai chuyện về ông già Ba-tri :

(1) Mỹ-an xưa kia là làng, nay đổi thành ấp thuộc xã An-hội, ở tả-ngạn rạch Bến-tre và bờ sông Hàm-luông.

ÔNG CAI VIỆC TRẦN-VĂN-HẠC

Ngày xưa, vào một đêm trong năm 1.787, có ba người khách lạ quần áo lem-luốc, dáng điệu mệt nhọc, chạy đến Ngã-Ba-Hạc. Họ xin vào tá túc nhà ông Trương-tấn-Khương, làng Hưng-lễ (Ba-tri). Họ tự xưng là người miền Trung, vào buôn bán chợ Mỹ-lòng, không may gặp quân Nguyễn-Ánh đánh với quân Tây-Sơn. Họ mất cả đồ-đạc. Ông Trương-tấn-Khương bèn đưa ba người ấy vào chòi ruộng ở với con là Trương-tấn-Bữu. Trong một thời-gian, ba người khách lạ ấy không thể dấu tung-tích mãi được bèn tự thú nhận rằng họ là Nguyễn-Ánh và hai quan hộ-giá. Họ đang bị Tây-Sơn truy-tầm. Biết được câu chuyện ấy, Bữu bèn xin theo phò Nguyễn-Ánh. Bốn người chèo thuyền ra sông Hàm-luông, thấy thuyền Tây-Sơn tuần tiễu nên lủi thuyền vào cái ụ ghe. Trên ụ là nhà ông Trần-văn-Hạc, cai việc trong làng. Bữu vốn đã quen trước với Hạc nên nói sự thật cho Hạc biết. Khi thuyền Tây-Sơn qua khỏi, Hạc cùng bốn người nói trên băng qua cồn Đất. Mỗi ngày, cai việc Hạc phải đưa chúa Nguyễn đến ăn trú ở cồn Đất, và chiều tối Hạc lại cõng chúa Nguyễn từ cù lao đến bờ sông để trở về nhà vì cồn này sinh lầy.

Khi Nguyễn-Ánh lên ngôi, hiệu là Gia-Long, đề tỏ biết ơn ông già Ba-tri đã giúp mình trước, vua ban cho Hạc tấm kim-bài có khắc hai chữ « Miến Tử » và cho Hạc hưởng huê-lợi các cù-lao trên sông cái.

Ông già Ba-tri này giúp vua khi vua lâm nạn.

Giai-thoại thứ hai: **ÔNG TRÙM TRƯỞNG THÁI-VĂN-KIỆM**

Xưa, lúc ăn trú ở nhà cai việc Hạc, chúa Nguyễn nhờ trùm trưởng Thái-văn-Kiểm mỗi ngày mang cơm đến ăn. Sau khi lên ngôi, Gia-Long phong cho trùm Kiêm làm trùm cả xã Ba-tri. Trùm cả Kiêm cất chợ Ba-tri và đắp hai con đường: Vĩnh-đức-trung — Tân-thủy và Phú-lễ — Tân-xuân để chợ Ba-tri được phồn-thịnh. Bấy giờ chợ An-hòa-tây (Xa-diệu) thừa thớt, xã-trưởng xã này bèn đắp đập ranh, khiến ghe từ sông Hàm-luông không còn vào được Ba-tri. Chợ Ba-tri vì thế lần lần thưa. Trùm cả bèn kiện xã An-hòa-tây lên cấp trên. Quan trên xử Kiêm thất với lý lẽ: xã nào cũng có quyền đắp đập trong xã mình. Bất-mãn, trùm cả Kiêm cùng hai ông kỳ lão, nhứt định đi bộ từ Ba-tri ra Huế để kêu gào. Bấy giờ vua Gia-Long đã thăng hà. Minh-Mạng nối ngôi. Tuy mới chấp chánh, nhưng

ngài đã từng đọc quyền bút ký của tiên đế nên biết công-tác của trùm Kiêm, ngài truyền chỉ: « Dù làng riêng nhưng rạch chung, phủ, huyện, phải coi phá đập ».

Tóm lại, dù cai việc Hạc hay trùm cả Kiêm, ông già Ba-tri là ông già can-đảm, giúp nước mở làng, có tinh-thần phục-vụ dân chúng không biết mệt-mỏi.

● THỎ SÀN

Ở Bến-tre, làng nào cũng vườn dừa hoặc ruộng lúa bao quanh.

*Bến-tre ruộng lúa phì nhiêu,
Nơi đây giàu lúa, lại nhiều dừa khô.*

Mỗi làng có sản-phẩm đặc-biệt: Cau xẻ Sầu, mắm Còng Châu-bình, Thuốc lá Mò-cày, Trái cây Cái-mơn, Bánh dừa Giồng-luông, Bánh tráng Mỹ-lòng, Bánh phồng Sơn-đốc...

Ba-tri có nhiều sản-phẩm đặc-sắc nhứt trong tỉnh, không kể những di-tích lịch-sử, văn-chương như các ngôi mộ hay tác-phẩm của các cụ Võ-trường-Toản, Phan-thanh-Giản, Nguyễn-đình-Chiều, nữ-sĩ Sương Nguyệt-Ánh...

Số-lượng cá biển Ba-tri rất dồi-dào đủ cung cấp nhân-khẩu trong tỉnh. Làng chài lưới nằm sát ven biển Nam-Hải hoặc những khúc sông mà con Quạ thỏ thể bàn tính với bạn Diều:

*Ba phen Quạ nói với Diều,
Ngã ba Bến-ró (1) có nhiều cá tôm.*

Hay là chàng nọ thành-thật tỏ tình mình với nàng kia:

*Chợ Ba-tri thiếu gì cá biển,
Anh thương nàng, anh nguyện về đây.*

Ba-tri là nơi sản-xuất lụa, gọi là lụa Ba-tri. Sau đây là sơ-lược sự tích lụa Ba-tri: Lúc Nguyễn-Ánh trốn lánh quân Tây-Sơn thì hay dừng chơn ở rạch Ụ. Bấy giờ các bô lão đem dâng vua cây lụa đen. Khi Nguyễn-Ánh lên ngôi, vùng Ngao-châu, huyện Bảo-an (Ba-tri)

(1) Bến-tre có 2 Bến-ró: Một ở Ba-tri, chỗ giáp nước của sông Ba-tri Cá với rạch Bàn Qui (có lẽ Bến-ró này Quạ muốn nói với Diều). Một ở làng Phú-Long quận Sóc-sài.

tiến cung 10 đợn lụa đen, có vân như sóng. Đề phân-biệt lụa Hà-đông, Tân-châu, bộ Lễ đặt tên lụa ấy là lụa Ba-tri (Ba : sóng, Tri : lụa sắc đen) Ba-tri là lụa đen có đợn sóng. Từ đó triều-đình sắc chỉ đòi huyện Bảo-an coi Ngao-châu thành tên Ba-tri.

Ba-tri sống về việc nuôi tằm. Đây là cảnh rộn-riệp lúc tằm ăn lên :

Chị kia bới tóc đuôi gà,
 Nắm đuôi chị lại hỏi nhà chị đâu ?
 (Dừng chơn cho hỏi cái nhà chị đâu ?)
 Nhà tôi thân dưới đám dâu,
 Thân trên đám đậu đầu cầu ngó qua...

Một hôm lại gặp thôn-nữ có cử-chỉ vôi-vàng ấy, mới biết chị hối hả về nhà đi hái dâu :

Khoan khoan bớ chị hái dâu
 Chị đừng ngắt ngọn đề dâu lên chồi.

Cô thôn-nữ không nhìn lại, tay vẫn lanh-lẹ lật lá :

Thôi thôi tôi lỡ ngắt rồi,
 Còn da lên mục còn chồi lên cây.
 (Đề mai cuốc cỏ cho chồi nó lên)

Cảnh này giống cảnh tả trong bài cổ thi : **Tự tằm**

Nhật xuất thái tang khứ,
 Nhật mộ thái tang qui
 Tiệm kiến tang điệp lão
 Bất giác tâm nhi phí.

*

Tài kiến tâm nhất miên
 Hựu kiến tâm nhị miên
 Tâm miên nhân bất miên
 Tân khổ hữu thùy liên...

Nghĩa :

Mặt trời mọc thì đi hái dâu. Lúc mặt trời chiều thì hái dâu trở về. Dần dần thấy lá dâu già cỗi. Chẳng hay biết con tằm lớn — Khi thấy tằm ngủ một, rồi lại thấy tằm ngủ hai. Lúc đó tằm ngủ thì người không ngủ. Cay đắng có ai hay ?

Mỹ-lòng, Sơn-đốc có tiếng về bánh trắng và bánh phồng. Một hôm người thôn-nữ hỏi một thanh-niên :

Nghe anh đi đó đi đây, cho em hỏi vặn câu này :
 Bánh phồng bánh trắng đất này ở đâu ngon ?

Thanh-niên đáp :

Bánh trắng Mỹ-lòng, bánh phồng Sơn-đốc, mặng cụt
 Hàm-luông vỏ ngoài nâu trong trắng như bông gòn
 Anh đây nói thật, sao em còn so đo ?

Kẹo ở Mỏ-cày nổi tiếng nhứt trong tỉnh; đúng như câu hát sau :

Bến-tre dừa ngọt sông dài,
 Khiến quận Mỏ-cày có kẹo nổi danh,
 Kẹo Mỏ-cày vừa thanh vừa béo
 Gái Mỏ-cày vừa khéo lại vừa ngoan,
 Anh đây muốn hỏi cùng nàng,
 Là trai Thạnh-phú cưới nàng được chăng ?

Mấy câu ca-dao sau đây có lẽ tóm tắt được một phần lớn đặc-điểm về thổ sản của mỗi vùng :

詞	蠶	(2)	Bến-tre nước ngọt lấm dừa,
日出採桑去	桑	去	Ruộng vườn màu mỡ, biển thừa cá tôm.
日暮採桑歸	桑	歸	Sầu riêng, mặng cụt Cái-mơn,
漸見桑葉老	桑	老	Nghêu sò cồn Lợi, thuốc ngon Mỏ-cày.
不覺蠶兒肥	蠶	肥	Xoài chua, cam ngọt Thới-lai.
纔見蠶一眠	蠶	一眠	Bắp thì Phú-túc, giồng khoai Mỹ-hòa
又見蠶二眠	蠶	二眠	Mắm, bần ven đất phù sa,
蠶眠人不眠	蠶	眠人不眠	Bà-hiền, Tân-thủy hằng hà cá tôm.
辛苦有誰憐	苦	有誰憐	Quít đường, vú sữa Trúc-giang,
			Dừa xanh Sóc-sải, tơ vàng Ba-tri.
			Xèo Sầu cau tốt dâu bì,
			Lúa vàng Thạnh-phú, khoai mì Thạnh-phong.
			Muối khô ở Gành mặng nong,
			Giồng-trôm, An-hóa dưa đồng giăng giăng...

● RÒI ĐẾN TIẾNG SÚNG 1945 – 1949...

Cảnh sống bỗng nhiên xáo trộn.

— Từ ngày Nhứt-bốn đánh Tây,

Lê-dương đi bố anh làm gì ở đâu ?

— Anh về củng-cố xẻo Sâu (ở cù-lao Bảo)

Xẻo Sâu lại mất, buồn rầu anh qua Minh (cù-lao Minh)

Bắt đầu từ đó, người con gái Bến-tre có tư-tưởng rộng-rãi hơn
xưa :

Sông Bến-tre nhiều hang cá ngác,

Đường Ba-vát gió mát tận xương,

Anh ơi giữ vững can-trường,

Thi-hành quân-vụ cho quê-hương được nhờ...

Bấy giờ cảnh vật cũng có phần đổi khác. Từ Lương-quới về Mỹ-lòng khoảng cách không đầy năm cây số ngàn mà chàng trai si tình cũng rụt rè :

Đường về Lương-quới, Mỹ-lòng,

Tuy không xa lắm nhưng đất vòng khó đi.

Hoặc từ Lương-quới qua Lương-phú, chỉ cách con sông nhỏ, nước chảy xuôi, thế mà bến đò cũng có vẻ huyền-bí, thấp-thoáng hình bóng tử thần :

Đường về Lương-phú quanh co,

Bên sông nước chảy, con đò vắng tanh !



NGUYỄN-VĂN-Y viết

một nhà thơ trẻ Miền Nam :

HỒN-THU-THẢO

Trong vòng mấy năm nay, mặc dầu thời-cuộc đảo-điên, thi-phẩm được xuất-bản rất nhiều, tưởng chừng như chưa bao giờ người ta in thơ nhiều đến thế. Nhưng, cứ thực-tình nói, số-lượng thì nhiều mà phẩm-chất bao nhiêu. Trong cái rừng thơ bao-la ấy, thỉnh-thoảng người ta mới tìm thấy những bông hoa quý đáng thương-thức, còn đa-số, nếu không là những tác-phẩm non kém tầm-thường thì chỉ là những « quái-thai » trong thi ca.

Nói như thế, không khéo có người cho rằng tôi không hiểu tí gì về thơ tự-do hay là tại tôi khó tính quá chăng ? Thú thật chẳng phải là thi-sĩ, lại không có tên tuổi gì trong làng bút mực, tôi cũng tự biết mình chưa có đủ thẩm-quyền để phê-phán về thơ ; nhưng thiên-nghĩ một kẻ đọc thơ như tôi bao giờ cũng có quyền nhận-xét, bày tỏ những cảm-nghĩ của mình đối với một thi-phẩm.

Nếu có ai cười tôi dốt, không hiểu gì về thơ, thì tôi xin chịu, nhưng thú thật tôi không thể cảm và nhận những bài thơ mà tôi trích mấy câu làm tiêu-biểu sau đây là thơ được. Đừng ai lầm tưởng tôi là một nhà nho thủ cựu, thích lối văn biền ngẫu, đầy điển-tích, rồi vội chê thứ thơ mới, thơ tự-do, và nhất là thơ làm bằng văn xuôi (vers en prose). Tôi vẫn lấy làm thú vị khi đọc những bài thơ phá thể của Nguyên-Sa, Quách-Thoại, Đỗ-Tấn... lắm chứ ! Nhưng thôi, xin mời độc-giả thử cùng đọc với tôi mấy giòng sau đây xem có đáng gọi là thơ không :

«Lúc bảy giờ vào khoảng 1916. Khắp Âu-Châu cuộc thế-chiến đang kéo dài hủy-hoại nền văn-minh con người đã dày công xây dựng.

Tại một quán cà-phê ở Zurich một nhà nghệ-sĩ cũng có thể gọi là một nhà hiền-triết xuất hiện mang lại cho văn-giới một học thuyết lạ-lùng.

Đó là Tristan Tzara một hôm cầm chiếc thìa cà-phê vừa gõ vào thành ly vừa thuyết-trình cho một đám người ngồi nghe gục-gặc đầu chiêm-ngưỡng ngày ra đời của một chủ-nghĩa vi-đại».

(«Tập thơ bỏ-khuyết» của Trần-văn-Nam, trang 33)

«*Xa nhau cỏ lạnh trên ngàn*

Nhớ nhung gửi nước lũ tràn xuống khe»

Không ngờ đi con về con chết mẹ về xanh-xao cây ổi cây bông cây bưởi cây bầy giờ cây không bao giờ muốn chim leo chim té bầy giờ bầy giờ con qua bên đó cha mẹ chờ mười năm con không về tin về rằng con không bao giờ không bao giờ không bao giờ từ bữa con bỏ bú ham chơi con lớn lần lần trường làng trường tỉnh buổi sáng buổi chiều hai lần qua đò buổi trưa ở lại bà ngoại cho con ăn cá ngon hơn ở nhà mười tám tuổi con đi lính qua Tây con làm ông đội không bán một người nào yêu một bà đầm yêu quá con không về con chưa kịp về con định cưới xong dẫn bà đầm về đẹp hơn con Lưu ông xã Vĩnh Trinh bà Weil chưa kịp binh-vực con thì con chết rúi-ro mần răng lỵ rữa tại người đàn bà bên Tây họ đẹp quá bà Weil không thể cứu con?»

(Trích một đoạn trong bài Chiêm-bao, tập thơ «Lá hoa cồn» của Bùi-Giang, trang 41)

Cả bài trên không có một dấu phẩy, và có nhiều chữ lặp lại. Tôi không dám trích trọn bài vì e tốn giấy và...làm bực mình độc-giả!

Và đây nữa (dẫn mấy câu thơ này tôi cũng lấy làm thẹn lắm, vì gặp phải thứ văn-chương không tao-nhã, nhưng cũng cứ xin trình ra để độc-giả bốn phương cùng thưởng-thức. Tôi xin chịu lỗi trước vậy):

... «*Tôi vốn xưa kia là
Hít màu hồ của gái
Tôi vốn xưa kia là
Thở cồn cái của em*»

... «*Em vốn xưa kia là
Ngồi hè em đi tiêu
Em vốn xưa kia là
Trong lúc đó thấy anh*»

(Trích bài «Vốn xưa kia là» tập thơ «Màu hoa trên ngàn» của Bùi-Giang, trang 23)

Có phải vì sống trong thời buổi nhiều-nhương, khói lửa chiến-tranh hằng bữa dày xéo quê-hương, thần-kinh-hệ của những nhà thơ ấy bị căng-thẳng nên mới xuất hiện những bài thơ kỳ-dị như thế chẳng?

Chính giữa lúc đang khó chịu vì những bài thơ hoặc khó hiểu, hoặc không nên thơ ấy, thì tôi nhận được tập thơ vừa đánh máy xong của một nhà thơ trẻ tuổi: HỒN-THU-THẢO.

Tôi vốn biết Hồn-Thu-Thảo từ lâu, từ ngày nhà thơ này còn là một anh học trò Trung-học ở đất Gò-công. Nhưng không phải vì chỗ quen biết, vì cảm-tình riêng mà tôi đi làm công việc tán-tụng thơ của Hồn-Thu-Thảo đâu. Thứ nghĩ một kẻ chưa có uy-tín gì trong văn-học giới như tôi mà dám cầm bút giới-thiệu một nhà thơ chưa được đời biết đến như Hồn-Thu-Thảo thì hỏi mấy ai tin-tưởng? Không khéo ngồi bút kém cỏi của tôi lại làm giảm giá thơ Hồn-Thu-Thảo nữa là khác!

Biết như vậy mà tôi vẫn đem thi-phẩm của Hồn-Thu-Thảo ra trình cùng độc-giả, là vì tôi thâm nghĩ rằng đối với một tác-phẩm có ít nhiều giá-trị, có bản sắc riêng như tập thơ của Hồn-Thu-Thảo thì mình không nên cất đê làm của riêng mà thưởng-thức một mình (tập thơ của Hồn-Thu-Thảo chưa xuất-bản). Hơn nữa, từ trước đến nay, Hồn-Thu-Thảo vẫn tin cậy tôi, xem tôi như một người tri-kỷ văn-chương. Tôi đã thích đọc thơ chàng hồi sáu năm về trước, và từng khuyên Hồn-Thu-Thảo nên tiếp-tục làm thơ. Còn nhớ có lần tôi đã nói cùng chàng thi-sĩ trẻ tuổi còn cắp sách đến trường ấy rằng:

« Ông Viên-Mai, một thi-sĩ đời Thanh bên Tàu đã nói: « Người làm thơ hay do cái thiên-phận của trời phú cho, nếu không thì dầu có tập-luyện cũng không được. Tỉ như mài sắt mới thành kim, mài ngọc không thành kim bao giờ ». Đọc thơ Hồn-Thu-Thảo, dù kỹ-thuật chưa vững lắm, tôi nhận thấy Hồn-Thu-Thảo có tâm-hồn thơ, có khiếu về thi-ca, vậy nên cố đời mài thêm đi, thế nào cũng thành-công ».

Bây giờ đã sáu năm qua, Hồn-Thu-Thảo không còn cấp sách đến trường nữa, chàng đã khoác áo nhà binh, xông-pha vào lửa đạn chiến-trường lúc tuổi đời vừa quá hai mươi. Mặc dù bận quân-vụ, Hồn-Thu-Thảo vẫn chưa quên tôi, chàng tìm đến nhà tôi vào một buổi sáng đẹp trời, và trao cho tôi một tập thơ do chàng sáng-tác. Hồn-Thu-Thảo nhờ tôi đọc rồi thử cho vài nhận-xét, và chọn những bài thơ nào mà tôi cho là hay, là trội hơn hết đề sau này chàng đem ra xuất-bản. Làm sao tôi có thể từ-chối được đối với một người nhiệt-thành yêu văn-chương và có chút lòng tin cậy tôi như Hồn-Thu-Thảo ! Thôi đành phải đánh liều « múa riều qua mắt thợ », lạm viết mấy hàng giới-thiệu thô-thiền này, dù tự biết mình là kẻ tài hèn trí mọn.



Sinh-trưởng ở Miền Nam, tâm-hồn Hồn-Thu-Thảo chịu ảnh-hưởng phần nào của miền đồng ruộng bao-la bằng-phẳng nên thơ của chàng cũng giản-dị dễ hiểu, không bí hiểm cầu kỳ như một số bài thơ mà tôi vừa dẫn ở trên. Đọc thơ Hồn-Thu-Thảo tôi có cảm-tưởng chàng làm thơ rất dễ-dàng, dường như cứ mỗi lần cảm-hứng đến thì chàng cầm bút viết ra những gì trong óc chàng đã nghĩ. Nếu quả-thật « Nghệ-thuật là dấu kín nghệ-thuật » (L'art est de cacher l'art) như lời một nhà văn Pháp nói, thì Hồn-Thu-Thảo đã thành-công trong kỹ-thuật làm thơ, bởi vì lời thơ, ý thơ của chàng tự-nhiên lắm, tự-nhiên mà không lạt-lẻo tầm-thường. Toàn tập thơ, bài nào cũng vậy. Tôi xin trích một vài đoạn để độc-giả cùng nhận xét :

« Thuyền đi vừa đủ lòng con lạch
Gió đầy đồng đưa những búp bần
Hoa tím tím rụng đầy khoang nhỏ
Quê ngoại sâu lên mắt nhớ thương ».

(NGÀY VỀ SÔNG NƯỚC XA XUA)

« Những giây phút gần nhau không dám nói
Chỉ ngập-ngừng đôi mắt ngó băng-quơ
Mới biết yêu, thôi đành chịu đại khờ
Thèm lặn nữa, tiễn em : sâu luyện tiếc.

Nhìn em đi nắng phai buồn tha-thiết
Chợt thấy chiều wót lạnh xuống làn môi
Đôi mắt cay khi áo trắng xa rồi
Chỉ còn lại với một mình : đơn lẻ ».

(NGẠI NGỪNG)

Tôi còn yêu thơ Hồn-Thu-Thảo ở chỗ thành-thật, ở chỗ những bài thơ của chàng không mang màu sắc triết-lý, không dạy đời, không thuyết-lý dài dòng. Đề-tài mà chàng chọn thường là những cảm-nghĩ, những vui buồn nho nhỏ trong cuộc đời trẻ-trung hoa-mộng của một thanh-niên vừa từ-giã sách đèn theo đường võ-nghiệp. Chàng làm thơ thường chỉ nói về những chuyện của chàng mà ta không thấy khó chịu, vì những cái tầm thường của cuộc đời, vì « cái tôi » của chàng gần chúng ta quá. Tôi ngỡ rằng nỗi lòng của Hồn-Thu-Thảo chính là nỗi lòng của những người trẻ tuổi mang nhiều tình-cảm, biết buồn cơn ly-biệt, biết thương gia-đình, biết yêu một người con gái, biết nhớ nhung hình bóng những ngày đã qua... Chừng nào con người còn mang những tình-cảm đó thì thơ Hồn-Thu-Thảo còn có thể làm rung-động tâm-hồn ta.

Ta hãy nghe Hồn-Thu-Thảo mở cửa tâm-tình :

« Từ hôm xa tuổi học trò
Tôi đi theo tiếng đọi chờ non sông
Còn thương còn nhớ trong lòng
Những cô con gái Gò-công quê mình ».

(MÙA HẠ QUẢ RỒI)

Phải rồi, từ-giã đời nghiên-bút trong lúc tóc còn xanh, lòng ai không cảm thấy buồn thấy nhớ :

*« Thôi xa màu áo học trò
Mình đi theo lá mùa thu vô vàng
Mà nghe buồn đến lang-thang
Trông ơ ta nhớ những hàng cây xanh »*

(THÔI XA MÀU ÁO HỌC TRÒ)

Nhưng buồn nhứt là lúc chia ly, kẻ ra đi thương người tiễn biệt :

*« Người về, tôi nhớ thương người quá
Lệ ướt bàn tay trời cũng mưa ! »*

(PHÚT CUỐI)

Càng nghĩ thêm thương cha già mẹ yếu với bầy em thơ dại mỗi-mòn trông đợi :

*« Ta không nuôi tiếc làm chi nữa,
Nhưng chỉ thương về thôn xóm xưa.
Em thơ bầy đứa mồn đôi mắt
Hai mái đầu hoa trắng tiễn đưa... »*

(NGOÀNH LẠI)

Rồi kể từ ngày xa quê nhà, vào quân-ngũ :

*« Ta đi vào nửa chiều hanh nắng
Với những hàng quân nối tiếp nhau »*

(CHIỀU NẮNG)

Chàng trai trẻ vẫn không quên, bà mẹ mái tóc pha sương ngày đêm mong nhớ con :

*« Chắc phương mẹ những chiều nghe tiếng súng
Lạnh mùa mưa giông lệ ướt khăn buồn
Cây nện trắng vô vàng soi tóc trắng
Mẹ râu rầu trong luống tuổi pha sương »*

(THU VỀ XỨ MẸ)

Bên cạnh tình yêu gia-đình thâm thiết ấy, hình bóng người con gái mà chàng yêu không bao giờ mờ trong tâm-não.

Đừng ai trách Hồn-Thu-Thảo quá đa-tình, bởi vì xưa nay có thi-sĩ nào lại không rung-cảm trước nhan-sắc diễm-kieu, trước cái đẹp mà tạo-hóa dành riêng cho người phụ-nữ. Hồn-Thu-Thảo đã viết rất nhiều bài đề nói về tình yêu, về người con gái mà chàng đã bao lần « gác cao thức trọn đêm dài nhớ em ». Nhưng, cái điều đáng nói là những bài thơ tình của nhà thơ trẻ ấy không bao giờ sỗ-sàng lộ-liều thái-quá đến độ đậm-dạt. Chàng yêu một cách trong sạch, một thứ tình thơ mộng của những người vừa đặt chơn vào vườn hoa tình-ái. Do đó, những đợi chờ, những ước hẹn, những nhớ nhung, những hờn trách... giữa chàng và nàng dưới ngòi bút Hồn-Thu-Thảo thường dễ gây trong lòng người đọc những cảm-xúc nhẹ-nhàng khiến người ta đôi khi nhớ lại những ngày mình vừa chớm yêu đương rồi băng-khuông luyến tiếc thời trẻ trung hoa mộng.

Lần đầu-tiên vừa mới biết yêu, Hồn-Thu-Thảo còn « ngại-ngùng » chưa dám ngỏ tâm-tư :

*« Gặp nhau thuở ban đầu nhiều mộng ước
Nhưng ngại-ngùng không dám ngỏ lời yêu
Hẹn chiều nay nhưng đã biết bao chiều
Anh vẫn để em ra về ngõ gác ».*

(NGẠI NGÙNG)

Chàng chỉ lặng nhìn bóng dáng yêu-kieu sầu-mộng của người thương mà « yêu em tìm đến ghen lời » :

*« Tóc ôm kín nửa vai gầy
Mắt thu phiến muện nốt đầy trăng sao
Tay ngà mười ngón đan nhau
Em bơ-vơ đứng lối vào hồn ta ».*

(DÁNG BUỒN CỦA EM)

Đã yêu tha-thiết như thế thì dù cho núi sông cách trở, khung trời chia hai, chàng vẫn không quên những ngày quen nhau dưới mái trường :

*« Đêm đêm mắt cúi bên đèn
Giấy hoen nét mực hồn nghiêng ý sâu
Ngày xưa trường bắc nhịp cầu
Gặp nhau từ phút ban đầu đã thương ».*

Bây giờ thân đã là lính-chiến, « một lần đi khăn gói nặng phong trần », có một ngày nào đó nhìn cánh bướm bay, chàng chợt nhớ đến những lần đi bắt bướm « bên mấy chùm hoa đỏ » để tặng người yêu ép vào trang sách học-trò :

« Anh bắt bướm cho người yêu ép sách
Chuyên tay em theo trang giấy học trò »...

« Chiều hôm nay trông bướm vườn hoa dại :
Anh bồi-hồi ghi lại những chiều xưa
Anh nguyện cầu trời đừng đổ cơn mưa
Cho bướm mãi về lòng anh mở hội ».

(BÀI THƠ BẮT BƯỚM)

Nhiều lúc « suy bụng ta ra bụng người » chàng tưởng chừng người con gái học-trò năm xưa đang đợi ngày mình trở lại :

« Nhớ em ngày trước chuyên cần
Ôn bài vở đợi mùa sang giãc hè
Thương em giờ ngóng tin về
Mà đêm đêm tóc xỏa thê làm thơ »

(BÊN SONG CỬA)

Và mỗi lần hoa phượng thắm đỏ điểm màu trời xanh lơ, nàng đi vào trường thi mà không được ai đưa đón như ngày xưa khi chàng nghĩ rằng nàng chắc đang mang nỗi buồn bơ-vơ vì thiếu « anh đưa em đi trong rừng áo học-trò » :

« Anh đâu rồi anh ?
Trời cao thấp xuống
Mùa thi này mưa trong lòng em ».

(MÙA THI NÀY)

Vì nhớ quá, thương quá, nên chàng mới tưởng-tượng nhiều như thế, chứ trong thâm-tâm chàng cũng tự biết đời lính-chiến mở ra đi đâu mong ngày trở lại. Vào một ngày mùa thu, nhìn mưa lâm râm nhỏ giọt, chàng bỗng ngậm-ngùi than-thở :

« Người yêu giờ có còn ai,
Hành-trang người lính là đây : nỗi buồn.
Nước đi còn trở về nguồn,
Tôi đi xin bỏ ngôi trường ngàn năm ».

(MÙA HẠ QUẢ RỜI)

Có lần chiếc xe GMC đưa chàng đi chạy ngang qua cổng trường trung-học, chàng « giả đồ lãnh-đạm để tìm quên » và nhẩn-nhủ với người yêu rằng :

« Thôi đừng khóc nghe em, mai anh về dỗ giấc
Đề ru em bằng chuyện ở chiến-trường
Lời hát êm êm như giồng suối ngọt
Chạy xuôi miền cho đến xứ yêu thương »

(TÌNH YÊU CỦA NGƯỜI LÍNH)

Mặc cho chàng giả đồ lãnh-đạm, người con gái thơ ngây vẫn tìm đến và chàng hứa-hẹn sẽ gặp nhau trong một ngày nào đó. Nhưng mà đời lính chiến đâu có giờ khắc tự-do như thuê làm học-trò, cho nên chàng đành nói thẳng với người yêu :

« Hai lần hẹn mà chưa bao giờ tới
Chắc em buồn nhưng anh biết làm sao
Đường em đi hoa kính cần nghiêng chào
Mà lỗi anh vẫn ngàn năm xuôi ngược ».

Thôi đừng bắt anh hẹn hò chi trước
Áo chinh nhọn còn lăm bụi sóng hồ
Thì anh còn lỗi hẹn với em thơ !

(ĐỪNG BẮT ANH HÒ HẸN)

Tình yêu của chàng thắm thiết như thế đó, thì ai cũng đĩnh-ninh rằng rồi đây chàng sẽ tìm được bến bờ hạnh-phúc. Nào ngờ « tâm người đàn bà hay thay đổi », người con gái đã một lần lọt vào mắt xanh của chàng đành cắt bước sang ngang, mặc cho chàng thương nhớ, chỉ vì kẻ trót mang dòng máu nghệ-sĩ như chàng làm gì có kim-cương hột xoàn để cho nàng chưng diện cùng thiên-hạ, làm gì có nhà cao cửa rộng để cho nàng sung-sướng tắm thân. Chàng biết rõ lý-do lắm :

« Thơ làm nhiều không đổi được cơm ăn
Nên người yêu cũng wòm mồm phàn-bội ».

(VÙNG NƯỚC MẮT)

Thôi rồi ! Người lính nghèo nặng mang tâm-hồn thi-sĩ còn biết nói cùng ai khi người yêu đã lỗi hẹn, đang tâm xóa bỏ lời thề năm xưa ! Trời đêm vắng-vẻ bốn bề, chàng thương thân tủi phận một mình :

« Khoanh tay bưng mặt khóc thầm
Ngồi nghe mưa lạnh về năm mái hiên ».

(MƯA NỬA ĐÊM)

Mãi đến khuya, trăng tà mờ bóng, chàng vẫn còn thao-thức :

« Trở mình nghe gió qua song
Thấy trăng khuya trốn vào sương đêm hè
Bốn phương mây kéo tơ về
Hình như có kẻ quên thề sang ngang ».

(NỬA KHUYA)

Rồi ngày qua tháng lại, mang nỗi buồn tình-phụ, chàng đeo ba lô kẻ bàng súng, gót chơn dẫm khắp nẻo đường đất nước mà vẫn chưa quên được mối tình dang-dở. Cho đến một ngày mang thương tích ở chiến-trường, vào nằm trong bệnh-viện Cộng-hòa, chàng hãy còn nhớ nhung thương tiếc :

« Ngoài kia nhịp guốc khua dồn
Mình băng-khuâng tiếc những nguồn vui xưa
Có ai thăm đề mà chờ
Nhìn ra chỉ thấy lòng bơ vơ sầu ».

(ĐỘC THOẠI)

Trong lúc quá đau khổ ấy, chàng cay đắng tưởng-tượng cảnh

« Ngày mai nếu có em vào
Chắc thân này đã nằm sâu đáy mồ
Thương mình trời cũng hoang sơ
Thả mây trắng nhuộm cả màu khăn số *lưu* »

(ĐỘC THOẠI)

Khổ mà nghĩ như vậy, chứ có ma nào đến thăm, cánh chim đã bay xa rồi mong gì trở lại, người yêu năm xưa bây giờ đã kề vai đi với kẻ khác, chàng có cốt rú xương tàn trên giường bệnh thì cũng đừng mong ai đó đến nhỏ cho vài giọt nước mắt xót thương kẻ tài-hoa vắn số. Có lẽ vì tấm tức nên những « lời trời » của chàng gửi lại cho nàng thật buồn làm sao :

« Nếu mai ta chết em đừng đến
Tình nhạt phai vì chuyện áo cơm
Ngày xưa thôi đã về hư-ảo
Như ngọn đèn mờ bên khói hương ».

« Ta đi không có người đưa tiễn
Ta ở nào ai đến viếng thăm
Cuộc đời đã trôi nhiều hoang lạnh
Đành chết đi rồi quên tháng năm ».

(LỜI TRỜI)



Tôi vừa trích-dẫn thơ Hồn-Thu-Thảo đề phác họa vài nét riêng của thơ chàng, chưa bàn đến vấn-đề nhạc-điệu và hình-ảnh trong thi-ca. Tôi chẳng dám nói thi-phẩm của Hồn-Thu-Thảo là « lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu », tuyệt-tác vô song, nhưng tôi tin chắc một điều là hầu hết những bài thơ của nhà thơ trẻ này đều trên diềm trung-bình, đáng cho khách yêu thơ tìm đọc.

Thường-thức văn-chương, phẩm bình nghệ-thuật, mỗi người có một cảm-nghĩ, có một lối nhìn riêng, tôi nào dám khua môi múa bút đề cao thơ Hồn-Thu-Thảo. Những lời tôi nói đâu có thể làm tăng giá-trị thơ Hồn-Thu-Thảo được, nếu một khi tác-phẩm của chàng không đáng gọi là thơ. Chẳng qua vì chút lòng yêu văn-chương, tôi thành-thật viết ra vài ý-nghĩ khi đọc xong thi-tập của Hồn-Thu-Thảo, gọi là giới-thiệu cùng độc-giả bốn-phương một nhà thơ trẻ miền Nam mà đời chưa biết đến.

Viết tại Bến-tre, mùa thu năm 1965

N. V. Y.

bàn chuyện

XƯA NAY

TRƯỚC KHI VÀO CHUYỆN : Xưa, Cù-bá-Ngọc, có câu : « Tuổi năm mươi, rồi lại bốn mươi chín năm làm ». Tôi nay tuổi đời chưa quá ba mươi, đường đời chưa đi đến đoạn cuối, thì việc đời dĩ-nhiên không làm sao lão thông được, thỉnh-thoảng còn vấp biết bao nhiêu lầm lạc. Bởi vậy, tôi nào dám tự-phụ lên giọng thầy đời, đem mớ kinh-nghiệm tầm thường học lóm trong cuộc sống ra dạy ai? Thầy Mạnh-Tử đã bảo : « Cái họa của người ta là ở chỗ thích làm thầy kẻ khác ». (Nhơn chi họa tại hiếu vi nhơn sư). Tôi hiểu lời khuyên ấy lắm ! Cho nên khi « bàn chuyện xưa nay », tôi nghĩ rằng mình chỉ đem một số kinh-nghiệm của những người đi trước còn ghi chép lại trong sách vở cộng với việc đời xảy ra hằng bữa mà mình đã quan sát rồi viết thành từng bài ngắn ngắn, đề trước là cảnh tỉnh lấy mình, sau là gọi cho những người trẻ tuổi mới bước chơn vào trường đời một vài ý-nghĩ về cuộc sống.

Tác-giả mấy quyển sách dạy người ta cái thuật sống để dễ thành-công trên đường đời là Ông Herbert N. Casson có nói rằng : « Trong vòng mấy thế-kỷ sau cùng, chúng ta đã học đủ thứ cả trừ cái học về chính chúng ta. (Au cours des derniers siècles, nous avons tout étudié sauf nous-mêmes) Hoài-Nam-Tử lại bảo : « Cái gì cũng biết, mà cái đạo làm người chưa biết chưa gọi được là người khôn ».

Cho nên dù không dám thầy lay dạy khôn ai, tôi cũng ước mong loại bài tôi viết sau đây không nhiều thì ít sẽ giúp cho những người trẻ tuổi biết mình, biết người, rõ hơn, hầu sống một đời đáng sống, bớt sa vào những ngõ hẻm tối tăm của cuộc đời muôn mặt.

SĨ-CHÍ

Bài thứ nhất : BIẾT NGƯỜI

Hồi còn làm anh học trò nhỏ, tôi có đọc một câu chuyện tựa là « Cánh buồm trắng » (La voile blanche của Guyau) mà tôi còn nhớ đại-khái như sau :

« Có một đứa bé trai đi dạo trên bãi bể bỗng nhiên cất tiếng la vui mừng, vừa vỗ tay, và chỉ cho mẹ nó thấy cánh buồm của một chiếc thuyền nhỏ từ chơn trời tiến đến :

— Cánh buồm trắng như là sữa ! Rực-rỡ xuất-hiện giữa muôn làn sóng !

Bà mẹ mỉm cười, không nói gì hết. Rồi chẳng bao lâu chiếc thuyền tới gần bãi bể, đi vào trong hải-cảng, và đưa bé ngạc-nhiên :

— Ô ! Mẹ ơi, mẹ hãy nhìn cánh buồm mà con tưởng là trắng, là sạch đến thế ấy, nó xám-xịt, bị vấy cả bùn và bụi ! Con làm biết bao !

Bây giờ bà mẹ mới ôm đầu đứa bé trai vào hai bàn tay và nói :

— Con ơi, con đừng bao giờ xét ai ở đằng xa cả. Biết bao nhiêu tấm lòng nhơn-loại giống như cánh buồm ấy : rực-rỡ ở đằng xa, dơ bẩn khi người ta đến gần chúng ».

Guyau đã cho tôi một bài học thấm-thía mà thuở ấu thơ tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Cứ ngẫm lại mà xem, trong đời đã bao nhiêu lần ta xét người khác như đứa bé trai ấy.

Có khi vừa quen một người khách lạ, sau năm ba câu chuyện, thấy người khách nói năng nhã-nhận, ta cho rằng : « Ông này tử-tế, quả là một người tốt ». Có khi vừa gặp một thiếu nữ trẻ-đẹp, trông vẻ mặt phúc hậu lại ít nói, ta thầm bảo : « cô này dễ thương, thật là một giai-nhơn đáng mến ». Có khi vừa gặp một chàng lịch-sự trai, ra vẻ hào-hoa phong-nhã ta có ý nghĩ : « Anh chàng này chắc tâm-hồn cao khiết, trí-tuệ thông-minh ». Còn hằng trăm hằng ngàn thí-dụ khác chứng tỏ ta thường xét người qua lời nói, qua hình dáng bên ngoài. Rồi đến khi gặp gỡ năm bảy lần, quen biết nhau nhiều, ta mới lần lần khám phá ra những cái mà ta không ngờ : Người khách ấy chỉ nhã-nhận lễ độ đối với kẻ có chức-vị, có tiền của, còn đối với người nghèo khó, kém học thức thì ông ta coi như cỏ rác. Cô con gái mỹ-miêu đáng yêu nọ chẳng qua nhờ trời ban cho một bộ mặt đẹp, còn tính tình thì nhỏ-mọn, ích-kỷ, kiêu-căng, tự-đắc. Chàng trai phong-nhã kia chỉ là một thằng xỏ lá hèn-hạ, một gã sờ-khankh từng lường-gạt bao nhiêu thiếu-nữ nhẹ dạ yếu lòng nhờ bộ mặt sáng sủa dễ cảm của hắn.

Có làm nhiều phen rồi ta mới rõ « biết người » là một điều khó, khó hơn là xuống biển mò châu, lên non tìm ngọc, đúng như lời ông bà ta đã bảo :

«Dò sông dò biển dễ dò,
Mấy ai lấy thước mà đo lòng người».

Vậy mà ở đời có biết bao kẻ tự-phụ cho mình là ông thánh đoán người không sai !

Ngày xưa, Bàng-Thống không được Lưu-Bị trọng-dụng ngay buổi ban đầu vì trời sanh họ Bàng mặt mũi không được khôi-ngô ; Hoàng-Sào làm loạn vì Đường Hy-Tông không ưa tướng mạo kỳ-dị của ông vội sai thị-vệ đuổi ông ra khỏi triều ; Mạc-đĩnh-Chi phải làm bài « Ngọc tỉnh liên phú » để nói khéo với vua khi biết đấng chi-tôn có ý chê mình xấu. Ngày nay cũng vậy, biết bao người con gái đẹp nét xấu người bị thiên-hạ đánh giá quá rẻ, biết bao chàng trai đẹp mã mà tâm thường, sống không có lý-trưởng gì cả, lại được lọt vào mắt xanh của vô số cô nàng. Nguồn gốc bao nhiêu mối loạn của xã-hội, căn nguyên bao nhiêu mối tình thơ mộng ban đầu mà dang-dỡ về sau chẳng qua là tại người ta xét người quá giản-dị. Xét người mà chỉ nhìn thoáng qua là bộ mặt, qua lớp áo bên ngoài rồi đánh giá như đi lựa đồ kiêu ngoài chợ thì coi chừng có ngày gặp thứ giả !

Sao ta lại vội phê-phán như-cách một người khi ta chưa gần người đó lâu năm chầy tháng, khi ta chưa biết rõ tình-cảm và tư-tưởng trong tận đáy tâm-hồn họ như thế nào ? Đừng nói chi gặp nhau một vài lần, có khi quen nhau lâu rồi mà ta vẫn chưa biết rõ tâm-tính con người ra sao nữa là khác. Bởi lẽ con người ta, theo lời nhà ngụ-ngôn La Fontaine, luôn luôn có hai cái túi, túi ở trước ngực dùng để đựng những cái xấu của thiên-hạ, túi ở sau lưng dùng để chứa những cái xấu của mình. Do đó những cái xấu xa thâm kín trong lòng người ít khi họ để lộ cho ta thấy trong lúc bình thường lắm. Vậy mà trong thiên-hạ có thiếu chi người xét kẻ khác theo cảm-tình cá-nhơn hay theo dư-luận của một nhóm người nào đó. Thật là một cái lầm thiên-cổ !

« Kẻ biết người là người khôn », (tri hơn giả tri) nếu lời nói ấy của Lão-Tử trong Đạo-đức-kinh vẫn còn đúng ở cái thời « vàng thau lẫn lộn » này, thì sao ta chẳng thận trọng hơn khi nhận xét về bất kỳ người nào ? Có học được cái thuật « biết người » thì mới đáng gọi là kẻ « biết sống » vậy.



TAO ĐÀN

đừng bắt anh hò hẹn

*Hai lần hẹn mà chưa bao giờ đến
Chắc em buồn nhưng anh biết làm sao
Trách làm chi giữa cuộc sống thương đau
Anh nhớ em, tuổi vào xuân rực rỡ.*

*Và đôi mắt xuôi lòng chiều ngưỡng mộ
Phấn bồng trường hoen nếp áo rưng thơ
Nụ môi thơm lời hẹn ước mong chờ
Hồn bé nhỏ đang đi tìm xứ mộng.*

*Bông chiều nay anh nghe chùng lạc-lỡng,
Triều nước xưa còn đọng mắt u-hoài
Rượu mấy lần anh muốn uống cho say
Đề đừng xót xa vào phiến gác lẻ.*

*Mây núi dâng lên, mưa tan thành lệ
Mùa xuân qua, bầy tuổi rụng theo chiều
Gió mơ hồ trong giây phút dầm chiều
Ôm bóng súng mà thương từng kỷ-niệm.*

*Nhìn khói thuốc bay, lòng thêm xao xuyến
Phôi và tìm mòn mỗi màu thời-gian
Đốm lửa đầu tay nối tiếp nhau tàn
Anh nhớ đến em tháng ngày trông đợi.*

*Hai lần hẹn mà chưa bao giờ tới
Chắc em buồn nhưng anh biết làm sao
Đường em đi hoa kính cần nghiêng chào
Mà lối anh vẫn ngàn năm xuôi ngược.*

*Thôi đừng bắt anh hẹn hò chi trước
Áo chinh nhân còn lắm bụi sóng hồ
Thì anh còn lối hẹn với em thơ !*

HỒN-THU-THẢO

mùa hạ qua rồi

Bây giờ trời đã sang thu
Những cơn mưa nhỏ giăng mù biển khơi
Và u-sầu dậy trong tôi
Buồn như chiếc lá vàng rơi cuối mùa
Từ hôm xa tuổi học trò
Tôi đi theo tiếng đợi chờ non sông
Còn thương còn nhớ trong lòng
Những cô con gái Gò-công quê mình
À ơi biết bấy nhiêu tình
Tôi ru hồn với muôn hình bóng xưa
Chiều nào trời đổ giông mưa
Nhìn tôi tay trắng đã thừa đắng cay
Người yêu giờ có còn ai
Hành-trang người lính là đây: nỗi buồn
Nước đi còn trở về nguồn
Tôi đi xin bỏ ngôi trường ngàn năm
Đêm đêm súng gối tay nằm
Mà nghe mùa hạ giờ sang mất rồi.
Ngỡ-ngàng buồn dậy trong tôi
Sầu thu theo với tuổi đời đi hoang.

HỒN-THU-THẢO

ngày về

sông nước xa xưa

Thuyền đi vừa đủ lòng con lạch
Gió đầy đồng đưa những búp bàn
Hoa tím tím rụng đầy khoang nhỏ
Quê ngoại sầu lên mắt nhớ, thương



Mấy năm trăng nước buồn chinh chiến
Thôn xóm ngàn xa rộn mõ khuya
Bông lúa nghẹn-ngào vương máu đỏ
Vào đêm vất-vướng những hồn ma



Và thuở nào xưa đất mẹ ơi
Khỏi giông+khắp cả bốn phương trời
Chiều đem nắng đỏ vàng le lối
Có vạn người đi... tiếng súng rơi.



Cuối đông nghe trở về thôn cũ
Quê vẫn còn đây dấu tích xưa
Nước nghiêng bóng đợi cây bình bát
Ngát ngều hàng lau vẫy bóng cờ.

HỒN-THU-THẢO

dáng buồn của em

Tóc ôm kín nửa vai gầy
Mắt thu phiền muộn nhất đầy trắng sao
Tay ngà mười ngón đan nhau
Em bơ-vơ đứng lối vào hồn ta.

Chiều lên mái tóc kiêu sa
Gió mơn-man vượt làn da nõn-nùng
Nhẹ chơn, ta bước ngập ngừng
Nhìn em buồn dáng nai rừng núi xưa.

Và từ giây phút ấy đưa
Tâm-tư còn ướt giòng mưa ngậm-ngùi
Yêu em tìm đến nghe lời
Niềm cô-đơn xót thương đời lãng-du.

Ngàn đêm đốt ngọn đèn thơ
Bỗng đứng không biết hẹn chờ với ai
Chiều qua ta đứng trông mây
Chợt nhung nhớ dáng hao gầy của em.

HỒN-THU-THẢO

Chế-độ giám-sát ở Trung-quốc

(Tiếp theo trang 10)

Tam Công là ba chức quan to nhất trong triều. Ngoài Ngự-Sử Đại-Phu, còn có hai vị khác là Thừa-Tướng và Thái-Úy. Nhà Tây-Hán nối theo đó cũng bắt chước chế-độ nhà Tần, đặt Tam Công là Thừa-Tướng, Thái-Úy và Ngự-Sử Đại-Phu.

Thừa-Tướng là người giúp vua cai-trị thiên-hạ, Thái-Úy lo mọi việc về quân-sự. Đời Tây Hán, có khi Thừa-Tướng kiêm luôn chức-vụ của Thái-Úy, cũng có lúc, Thái-Úy đòi lại gọi là Đại-Tur-Mã và kiêm luôn chức-vụ Thừa-Tướng. Như vậy, hai chức-vụ Thừa-Tướng và Thái-Úy không phải lúc nào cũng đều có cả. Tuy nhiên, khi có cả hai chức-vụ ấy thì đòi bên đều được tôn quý ngang nhau. Thừa-Tướng cũng như Thái-Úy đều lãnh lương một muôn thạch, và dùng ấn vàng, dây đeo màu tía.

Ngự-Sử Đại-Phu không phải lo việc viết sử, mà có nhiệm-vụ phụ giúp Thừa-Tướng trong mọi việc, nhất là việc kiểm-soát bá quan, giữ cho pháp-độ được tôn-trọng. Khi chức Thừa-Tướng khuyết vị, thì Ngự-Sử Đại-Phu lên thay. Vì đó, đời Tần Hán, Ngự-Sử Đại-Phu được gọi là Phó-Tướng. Về bổng lộc thì Ngự-Sử Đại-Phu lãnh lương 2.000 thạch, dùng ấn bạc, dây đeo màu xanh.

Như thế, Ngự-Sử Đại-phu lương ít hơn và không tôn-quí bằng Thừa-Tướng và Thái-Úy. Nhưng tại sao chức-vụ Ngự-Sử Đại-phu lại được quan-trọng-hóa và được liệt vào hàng Tam Công?

Đó là vì hai triều Tần Hán tổ-chức việc cai-trị theo nguyên-tắc Pháp-gia. Theo học-phái này, con người tánh vốn ác, và lúc nào cũng noi theo quyền-lợi cá-nhơn của mình. Bởi đó, nhà vua không thể tin cậy bầy tôi, mà phải luôn luôn

canh chừng họ, và đặt họ vào trong thế bắt buộc phải phụng-sự mình một cách trung-thành, không dám âm-mưu phản-loạn. Muốn đoạt mục-đích này, nhà vua phải lấy lợi cá-nhơn mà lung-lạc quần-thần, dùng người dưới dòm hành kèm chế người trên, với hy-vọng được thay thế người trên.

Ngự-Sử Đại-Phu lương ít hơn Thừa-Tướng rất nhiều, lại không tôn quý bằng Thừa-Tướng, và đóng vai tuồng phụ giúp Thừa-Tướng, nhưng lại có quyền kiểm-soát của tất cả các quan, ai làm điều gì phi-pháp đều bị Ngự-Sử Đại-Phu đàn-hặc. Nàng Ngự-Sử Đại-Phu lên hàng Tam Công, lại đặt Ngự-Sử Đại-Phu ở sát Thừa-Tướng với nguyên-tắc khi Thừa-Tướng khuyết-vị thì đem Ngự-Sử Đại-Phu lên thay, là để cho bá quan đều nể sợ Ngự-Sử Đại-Phu, không dám a-dua với Thừa-Tướng mà làm bậy, lại khiến cho Ngự-Sử Đại-Phu có nhiệt-tâm trong việc kèm chế Thừa-Tướng, sẵn-sàng tố-giác những việc phi-pháp của Thừa-Tướng với hy-vọng làm cho Thừa-Tướng bị bãi-miễn để mình được lên thay.

Bởi những lý-do kể ra trên đây nên đời Tần và Tây-Hán, tuy Ngự-Sử Đại-phu phụ giúp Thừa-Tướng về mọi việc và cũng tham-dự công việc hành-chánh bình thường, nhưng Ngự-Sử trở thành một cơ quan giám-sát. Thuộc quan của Ngự-Sử Đại-Phu thời ấy có một Ngự-Sử Trung-Thừa thống-suất các viên Thị Ngự-Sử làm việc trong nội-điện. Những người này ở sát bên vua và giúp vua lo việc văn-kiến. Họ nhận các sớ tấu của bá quan, xem hết các án chương, và do đó mà thi-hành nhiệm vụ giám-sát của mình.

Đời Tây-Hán, việc kiểm-soát các quan ngoài cũng được đặc-biệt lưu ý. Vua Văn-Đế nhà Hán thường sai các quan sử thuộc phủ Thừa-Tướng đi giám-sát các châu quận để củ-hặc những việc làm phi-pháp. Những viên quan đó được gọi là Thứ-Sử.

Đến đời Võ-đế, Trung-quốc được chia ra làm 13 Giám-Sát-Bộ, mỗi bộ có một Thứ-Sử cầm đầu, gọi là Bộ-Thứ-Sử. Trong số này, một người lãnh nhiệm-vụ giám-sát các quận Tam-Phu, Tam-Hà và Hoàng-Nông, với danh-hiệu là Tư-Lệ Hiệu-Úy.

Các quan Thứ-Sử và Bộ-Thứ-Sử có nhiệm-vụ xem xét các quận huyện để tránh 6 mối hại sau đây :

1. — Cường-hào có đất ruộng quá nhiều, hơn số luật-pháp cho phép mỗi người được có, rồi ý thế hiếp dân, lấy mạnh hiếp yếu, lấy đông hiếp ít.
2. — Quan địa-phương không tuân lệnh trên, không theo luật pháp, lấy công làm tư, hiếp-đáp hay làm tiền dân-chúng.
3. — Quan địa-phương xử oan dân-chúng, giết người vô tội.
4. — Quan địa-phương không công-bình trong sự cất nhắc người, thiên-vị kẻ thân, đim người hiền.
5. — Quan lại dung-túng con em làm bậy.
6. — Quan địa-phương a-dua với cường-hào để hiếp dân và hối-mại quyền-thế.

Như vậy, đời Tây-Hán, việc giám-sát có mục-đích bảo-vệ luật-pháp, che-chở dân-chúng chống nạn tham quan và cường-hào, đồng-thời kèm chế quan trong triều để họ không có thể nắm quá nhiều quyền thế và âm-mưu phản loạn.

III.— CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT TỪ ĐỜI ĐÔNG-HÁN ĐẾN ĐỜI THANH

Cuối đời Tây-Hán, tổ-chức hành-chánh Trung-quốc đã trải qua một thay đổi lớn-lao. Tam Công vẫn còn, nhưng đổi hẳn danh-hiệu và chức-chượng. Ba vị quan to nhất triều không còn là Thừa-Tướng, Thái-Úy và Ngự-Sử Đại-Phu nữa, mà là Đại-Tư-Đồ, Đại-Tư-Mã và Đại-Tư-Không hay Tư-Đồ, Tư-Mã, Tư-Không. Đầu đời Tây Hán, trọng quyền nằm trong tay một người là Thừa-Tướng hoặc Thái-Úy, Ngự-Sử Đại-Phu chỉ đóng vai tuồng giám-sát. Cuối đời Tây-Hán, kể về thứ trật thì Đại-Tư-Mã đứng đầu, kế đó là Đại-Tư-Đồ và sau cùng là Đại-Tư-Không, nhưng không người nào một mình nắm lấy trọn quyền, và việc gì cũng do ba người cùng nhau quyết-định. Ngoài ra, mỗi người trong Tam-Công lại chia nhau quản lãnh một số ty sở chuyên-môn cấp dưới, chớ không phải như ở đầu đời Tây-Hán, Tam-Công điều-khiển chung cả các cấp dưới.

Trong chế-độ mới này, Đại-Tư-Không chỉ lo về mặt hành-chánh, chớ không còn chuyên lo về việc giám-sát như Ngự-Sử Đại-Phu đầu đời Tây-Hán. Bắt đầu từ đó, việc kiểm-soát bộ quan, điều-chánh pháp-độ giao về một cơ-quan đặc-biệt, độc-lập đối với bộ máy hành-chánh.

Cuối đời Tây-Hán và suốt đời Đông-Hán, cơ-quan đó là Ngự-Sử-Đài. Cầm đầu Ngự-Sử-Đài là Ngự-Sử Đại-Phu, nhưng Ngự-Sử Đại-Phu đây không phải là Ngự-Sử Đại-Phu của Nhà Tần và đầu đời Tây-Hán, mà là chức Ngự-Sử Trung-Thừa cũ cải danh.

Các triều-đại nối theo đó vẫn giữ nguyên-tắc tách cơ-quan giám-sát ra khỏi bộ máy hành-chánh, và lần lần cải-thiện việc tổ-chức Ngự-Sử-Đài.

Đời Tùy và Đường, Ngự-Sử-Đài do một Ngự-Sử Đại-Phu cầm đầu, có hai Ngự-Sử Trung-Thừa phụ-tá. Trong Ngự-Sử-Đài lại phân ra ba viện :

1. — Đài-Viện, gồm các Thị-Ngự-Sử, nhiệm-vụ là củ-cờ bá quan và kiểm-soát việc ngục-tụng,
2. — Điện-Viện, gồm các Điện-Trung Thị-Ngự-Sử, nhiệm-vụ là kiểm-soát các nghi-thức thi-hành ở điện đình.
3. — Sát-Viện, gồm các Giám-Sát Ngự-Sử chia nhau đi kiểm-soát tuần tra các quận huyện.

Hai triều Tống và Nguyên cũng noi theo chế-độ này, không sửa đổi bao nhiêu. Đời nhà Minh, việc giám-sát giao về cho hai tổ-chức :

1) Một là các quan Cấp-Sự-Trung ở sáu khoa. Mỗi khoa có một Đốc-Cấp-Sự-Trung, hai viên Tả Hữu Cấp-Sự-Trung và một số Cấp-Sự-Trung, cứ Lại-khoa và Công-khoa mỗi khoa 4 người, Lễ-khoa 6 người, Hộ-khoa và Hình-khoa mỗi khoa 8 người, Binh-khoa 10 người.

Các Cấp-Sự-Trung chuyên đọc chiếu thư và chương tấu bá quan để xem xét có gì trái lễ luật, thì sửa-chữa hay tâu báo lên trên.

2) Hai là Đốc-Sát-Viện. — Đốc-Sát-Viện triều Minh gồm có các quan Tả và Hữu Đốc-Ngự-Sử, Tả và Hữu Phó-Đốc-Ngự-Sử, Tả và Hữu Thiêm-Đốc-Ngự-Sử, và những Giám-Sát Ngự-Sử của các đạo.

Nhiệm-vụ của Đốc-Sát-Viện là củ sát bá quan, biện-minh việc oan-ung cho dân-chúng, đôn-đốc các đạo để giữ cho pháp lệnh được thi-hành đúng-đắn và làm tai mắt cho vua.

Nhà Thanh cũng noi theo chế-độ nhà Minh về việc giám-sát, nhưng vì các vua nhà Thanh đích-thân cầm đầu Nội-Các, điều-khiển lấy chánh-sự cho nên vai tước của Đốc-Sát-Viện kém hơn vai tước các cơ-quan giám-sát của các triều trước.

IV. — CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT CỦA TRUNG-HOA DÂN-QUỐC

Khi đứng lên hô-hào dân-chúng đánh đổ nhà Mãn Thanh, nhà lãnh-tự cách-mạng Trung-hoa là Tôn Văn có ý muốn xây-dựng một chế-độ mới dung-hòa những ưu-điểm của chế-độ dân-chủ Tây-phương và chế-độ cổ-truyền của nước mình. Bởi đó, ông tán-thành việc phân quyền-chánh ra cho ba cơ-quan Lập-pháp, Hành-pháp và Tư-pháp như ở các nước dân-chủ Tây-phương, nhưng chủ-trương thêm vào đó hai quyền Khảo-Thí và Giám-Sát, vì ông cho rằng chế-độ giám-sát ở Trung-quốc rất tốt đẹp và đáng được duy-trì. Trong bản Kiến-Quốc Đại-cương tuyên-bố ngày 12-4-1924 tại Đại-Hội Đại-Biểu Toàn-Quốc của Trung-Hoa Quốc-Dân-Đảng, ông đã nêu rõ những nguyên-tắc căn-bản làm nền-tảng cho bản Ngũ-Quyền Hiến-Pháp là hiến-pháp tương-lai của Trung-hoa Dân-quốc.

Vi lâm vào cảnh loạn-lạc và chiến-tranh, lại phải trải qua thời-kỳ quân-chánh và huấn-chánh rồi mới tới thời-kỳ hiến-chánh, cho nên Ngũ-Quyền Hiến-Pháp mới được ban-bố ngày 1-1-1947. Theo hiến-pháp này, guồng máy chánh-quyền Trung-hoa Dân-quốc gồm có :

1.— Một Đại-Hội Dân-Biểu do dân-chúng công-cử với một nhiệm-kỳ 6 năm, và có nhiệm-vụ bầu-cử hoặc bãi-miễn Tổng-Thống cùng Phó Tổng-Thống và sửa đổi hiến-pháp,

2.— Một Tổng-Thống do Đại-Hội Dân-Biểu bầu, có một Phó Tổng-Thống phụ-tá, và giữ nhiệm-vụ làm trọng-tài khi có sự bất-đồng ý-kiến giữa hai hoặc nhiều viện,

3.— Năm Viện : Lập-pháp, Hành-pháp, Tư-pháp, Khảo-thí và Giám-sát.

Viện Giám-Sát hiện tại của Trung-hoa Dân-quốc là một cơ-quan dân-cử, gồm đại-diện các tỉnh, các thị-xã, các Hội-Đồng địa-phương Mông-cổ, Tây-tạng và đại-diện của Hoa-kiều hải-ngoại, theo tỷ-số sau đây :

— Mỗi tỉnh : 5 người

— Mỗi Thị-xã trực-thuộc Viện Hành-chánh : 2 người

— Mông-cổ : 8 người,

— Tây-tạng : 8 người,

— Hoa-kiều hải-ngoại : 5 người (chỉ có trên lý-thuyết không hề có trên thực-tế).

Nhiệm-kỳ của Viện Giám-sát là 6 năm, Viện-Trưởng và Phó Viện-Trưởng do các đại-biểu bầu lấy.

Viện Giám-Sát có quyền kiểm-soát tất cả các cơ-quan chánh-quyền, trừ Viện Lập-pháp, và đàn-hạch các nhơn-viên, từ Tổng-Thống trở xuống. Viện có thể đòi hỏi các tổ-chức chánh-quyền xuất-trình các huấn-lệnh, hồ-sơ, tài-liệu, hoặc cử những ủy-ban điều-tra đặc-biệt, và đặt những cơ-quan chi-nhánh ở các địa-phương.

Khi nhận thấy những vụ sai lầm, phi-pháp, lạm-quyền, Viện có quyền đề-nghị các biện-pháp cải-thiện hoặc những trừng-phạt cần-thiết. Tuy nhiên, Viện Giám-Sát không có quyền đánh đổ Viện Hành-Chánh, vì quyền này dành cho Viện Lập-Pháp.

Sau khi hiến-pháp 1-1-47 được ban-hành, lục-địa Trung-hoa đã bị Trung-Cộng chiếm-cử, và lọt vào chế-độ Cộng-Sản. Chánh-phủ Trung-hoa Dân-quốc dời về Đài-loan. Tổ-chức cũ vẫn được duy-trì, nhưng chỉ có một phần nhơn-viên bầu cử năm 1947 đi theo chánh-phủ. Trong số 180 ủy-viên Viện Giám-Sát, có 93 người sang Đài-loan. Vì tình-cảnh đặc-biệt của chánh-quyền quốc-gia Trung-hoa nên hiến-pháp ngày 1-1-1947 không được thi-hành đúng mức và ta không thể phê-phán hiệu-lực của Viện Giám-Sát thiết-lập theo Ngũ-Quyền Hiến-Pháp.

V — PHÊ-BÌNH CHUNG VỀ CHẾ-ĐỘ GIÁM-SÁT TRUNG-QUỐC

Xét chế-độ giám-sát Trung-quốc qua các thời-đại, ta nhận thấy nó đã thành-hình từ đời thái-cổ, và đã trải qua bốn giai-đoạn khác nhau :

1) Giai-đoạn đầu tiên là giai-đoạn dùng sử-quan đóng vai tuồng giám-sát một cách bán-chánh-thức, từ lúc Trung-quốc bắt đầu có một chế-độ chánh-trị qui-cũ cho đến cuối đời nhà Châu,

2) Trong giai-đoạn thứ nhì, một nhơn-viên cao-cấp của chánh-quyền trướng-ương là Ngự-Sử Đại-Phu được chỉ-định để điều-khiển việc giám-sát bá quan, nhưng đồng-thời cũng lo liệu công việc hành-chánh bình-thường. Chế-độ này được áp-dụng dưới đời nhà Tần và nhà Tây-Hán,

3) Đến giai-đoạn thứ ba, quyền giám-sát giao về một cơ-quan độc-lập, chuyên-lo kiểm-soát bá quan và củ-cử việc bất-pháp ; cơ-quan này do một viên quan phẩm trật trung-bình điều-khiển chớ không phải là một nhơn-viên cao cấp của chánh-quyền trướng-ương như trước. Từ cuối đời Tây-Hán cho đến cuối đời Nguyên, cơ-quan này mang tên là Ngự-Sử-Đài, từ đời Minh đến đời Thanh, nó mang tên là Đô-Sát-Viện. Hai nhà Minh và Thanh lại thêm vào sự giám-sát của cơ-quan độc-lập một sự kiểm-soát bên trong cơ-quan hành-chánh : đó là công việc của các quan Cấp-Sự-Trung các khoa,

4) Với hiến-pháp của Trung-hoa Dân-quốc, quyền giám-sát thuộc về một Viện do dân công-cử theo thể-lệ dân-chủ.

Những phương-pháp giám-sát được thi-hành ở Trung-quốc đều thích hợp với hoàn-cảnh mỗi lúc.

Trong xã-hội phong-kiến, mọi người đều tôn-trọng tục-lệ cổ-truyền: vua quan thời đó rất sợ áp-lực của dư-luận, và cũng rất sợ mang danh xấu trong lịch-sử. Các sử-quan được chỉ-định theo nguyên-tắc cha truyền con nối và được gia-đình đào-luyện cho có một tinh-thần ngay thẳng cứng-cỏi, một ý-niệm đúng-đắn về nhiệm-vụ cho nên nhưt quyết biên chép mọi việc đúng theo sự thật. Nhờ đó, họ trở thành những người phán-quan trước Tòa-án lịch-sử. Mặc dầu về thực-tế, họ không có quyền đàn-hặc hay trừng-phạt ai, họ vẫn đóng vai tuồng giám-sát một cách dằng-hoàng được.

Nhưng khi nền-tảng xã-hội phong-kiến sụp đổ, các tục-lệ cổ-truyền không còn được kính-trọng nữa, việc dùng sử-quan đóng vai tuồng giám-sát một cách bán-chánh-thức không thể có được hiệu-lực như trước. Bởi đó, cùng với việc thiết-lập chế-độ quân-chủ tập-trung thay thế chế-độ quân-chủ phong-kiến, người Trung-quốc đã phải theo một thể-thức khác trong việc giám-sát.

Đời Tần và Tây-Hán, nhà vua ủy trọn quyền cai-trị cho Thừa-Tướng và tất-nhiên rất lo nản Thừa-Tướng nắm hết bá quan và âm-muru phản-loạn. Bởi đó, kể bên Thừa-Tướng, lại có Ngự-Sử Đại-Phu làm giám-sát chánh-thức. Ngự-Sử Đại-Phu có quyền đàn-hặc bá quan nên được bá quan nể sợ, đã vậy, theo thể-chế, khi Thừa-Tướng khuyết vị thì ông ta lên thay. Như thế, ông ta vừa có phương-tiện vừa có lợi mà làm tròn nhiệm-vụ. Vì đó, Ngự-Sử Đại-Phu không ngần-ngại đàn-hặc những người cấp dưới và cấp trên mình, và việc giám-sát được thi-hành một cách có hiệu-lực.

Từ cuối đời Tây-Hán đến cuối đời Thanh, nhà vua không ủy quyền cai-trị thiên-hạ cho một đại-thần nữa, mà tự mình bình-chánh hay phân-tán đại-quyền ra giao cho nhiều người

nắm giữ. Nếu nhơn-viên giám-sát có nhiều quyền và có một địa-vị tôn-quí, thế-lực họ có thể lấn-áp các quan-lại hành-chánh, và chính họ có thể đi đến sự lạm-quyền. Bởi đó, việc giám-sát giao về cho một viên quan phẩm trật trung-bình. Muốn cho việc làm của họ đặc-lực, cơ-quan giám-sát được phân-tách khỏi cơ-quan hành-chánh.

Viện Giám-Sát của Trung-hoa Dân-quốc được thành-lập khi người Trung-hoa bỏ chế-độ quân-chủ để theo chế-độ dân-chủ, và cơ-quan giám-sát đã được tổ-chức theo tinh-thần dân-chủ.

Như vậy, tổ-chức giám-sát ở Trung-quốc đã tiến-triển theo một nhịp với tổ-chức chung của chánh-quyền. Ta có thể bảo rằng mỗi chánh-phủ Trung-quốc đều có cơ-quan giám-sát thích-hợp. Nhờ đó, kết-quả đạt được rất khả-quan. Tuy nhiên, chế-độ giám-sát Trung-quốc không phải là không có khuyết-điểm.

Muốn được hoàn-toàn, việc giám-sát phải đạt những mục-đích sau đây :

- 1) Giữ cho dân-chúng không bị quan-lại hiếp-đáp bóc-lột,
- 2) Giữ cho quan-lại tuân theo pháp-luật, làm tròn nhiệm-vụ mà không âm-muru cướp đoạt chánh-quyền,
- 3) Giữ cho nhà cầm quyền tối-cao noi theo hiến-chế, không tàn-sát quan-lại và dân-chúng một cách oan-uổng.

Trong thời-kỳ theo chế-độ quân-chủ tập-trung, Trung-quốc chỉ nhắm hai mục-đích trên trong việc giám-sát. Từ đời nhà Tần đến cuối đời nhà Thanh, các chế-độ chánh-trị được thiết-lập đã cố-gắng kèm-chế các quan để cho họ không thể âm-muru lật-đổ nhà vua cũng không hà-hiếp dân-chúng. Nhưng các chế-độ ấy không có biện-pháp pháp-lý nào ngăn-cản nhà vua lạm-quyền. Khi nhà vua quá hôn-bạo, dân-chúng nổi lên đánh đổ và tôn người khác lên thay. Trong lúc bình thường, nhà vua được trọn quyền, không ai có thể bắt buộc nhà vua khép mình vào một khuôn-khổ nhưt-định. Các quan ngự-sử

vẫn có nhiệm-vụ can-gián nhà vua, nhưng gặp người hôn-ám chẳng những lời can-gián của ngự-sử hoàn toàn vô hiệu, mà tánh-mạng của ngự-sử cũng không có gì bảo-đảm.

Trong thời-kỳ quân-chủ phong-kiến và dưới chế-độ dân-chủ, Trung-quốc có nghĩ đến việc kèm-chế ngay đến người cầm quyền tối-cao. Đời Châu, nhà vua, hay viên quan đại-phu nắm thực-quyền trong nước bị áp-lực của dư-luận và lòng tôn-trọng cô-tục chi-phối một cách mạnh-mẽ; vì sợ mang danh xấu, họ phải tự mình kèm-chế lấy mình. Trong hiến-pháp 1-1-47, Viện Giám-Sát của Trung-hoa Dân-quốc có quyền đàn-hặc ngay đến Tổng-Thống.

Tuy vậy, kết-quả của việc giám-sát nhà cầm quyền tối-cao trong nước không mấy khả-quan. Đời Châu, vẫn có những nhà vua hay quan đại-phu không kể đến dư-luận. Ngay như Thôi Tử vốn sợ dư-luận và cuối cùng đã lùi bước trước dư-luận cũng đã giết hết ba vị sử-quan. Về chế-độ giám-sát của Trung-hoa Dân-quốc, chúng ta rất khó phê-phán vì hiến-pháp 1-1-47 đã được áp-dụng trong một tinh-thể đặc-biệt. Tuy nhiên, cứ xét việc làm của các chánh-phủ quốc-gia Trung-hoa trong các thời-kỳ quân-chánh và hiến-chánh, ta có thể bảo rằng khi quốc-gia chưa xây-dựng được những nền-tảng dân-chủ vững chắc, sự giám-sát chỉ có thể mang đến những kết quả hạn-chế mà thôi.

Khi việc kèm-chế nhà cầm-quyền tối-cao không được đặt ra hay không giải-quyết được ôn-thỏa, giá-trị của chế-độ hoàn-toàn tùy theo giá-trị của nhà cầm-quyền tối-cao. Gặp nhà cầm-quyền tối-cao tốt, biết tự kèm-chế lấy mình để giữ cho luật-pháp được tôn-trọng, bộ máy cai-trị rất lương-hảo và chế-độ giám-sát đưa đến những kết-quả tốt đẹp hoàn-toàn. Nhưng nếu nhà cầm-quyền tối-cao hôn-ám hay tàn-bạo, bộ máy cai-trị không chạy được điều-hòa, và sự giám-sát mất rất nhiều hiệu-lực. Chẳng những không ngăn-cản được nhà cầm-quyền tối-cao làm bậy, nó cũng không kèm-chế được các quan lại cấp dưới.

Xét chế-độ giám-sát Trung-quốc qua các thời-đại, ta có thể bảo rằng những nguyên-tắc làm nền tảng cho nó rất hay, và những phương-pháp được áp-dụng rất khéo-léo và rất thích-hợp với tinh-thể mỗi lúc. Khuyết-điểm của nó là không ngăn-cản được nhà cầm quyền tối-cao lạm-dụng quyền-thế của mình.

Khuyết-điểm này chỉ có thể sửa-chữa được khi xã-hội hoàn-toàn dân-chủ-hóa. Trong thời-kỳ chưa thực-hiện được dân-chủ, chế-độ giám-sát Trung-quốc là chế-độ lương-hảo nhứt mà người ta có thể lập ra.

Nhược-điểm của nền tư-tưởng và chế-độ chánh-trị Trung-quốc cổ-thời so với Tây-phương, là không biết đến chế-độ chánh-trị nào khác hơn là chế-độ quân-chủ chuyên-chánh. Bởi đó, mặc dầu đã khơi sâu vấn-đề xây-dựng một xã-hội chánh-trị lý-tưởng, và đã nghĩ ra nhiều giải-pháp rất khéo-léo, cuối cùng rồi người Trung-quốc vẫn phải chịu thua người Tây-phương, và chấp nhận lý-tưởng dân-chủ Tây-phương.

NGUYỄN NGỌC-HUY

Sắp in trong Đồng-nai văn-tập :

- Vài Văn-Liệu miền Nam, tập sưu-tầm của an cư
- Vài nhận-xét về Thạch-Lam, nhà văn truyện-ngắn tập phê-bình của an cư
- Ức-trai thi-tập, thơ chữ Hán của Nguyễn-Trãi (88 bài) bản dịch của an cư
- Trung-quốc Triết-học Sử của Phùng Hữu-Lan (nguyên tác chữ Hán) bản dịch của an cư

Anh-hùng-ca

(Tiếp theo trang 6)

hiếu-kỳ của người đọc, mà là chủ-tâm làm phát-động lòng phấn-khởi của độc-giả; ngoài ra anh-hùng-ca được xây-dựng bằng màu-sắc huyền-bí: Bầu không-khí ảo-hoặc này bao-trùm các vai-tuồng của cốt truyện, nào là quần-chúng, người anh-hùng, loài thú, nào các quyền-lực thiên-nhiên: như vậy; anh-hùng-ca là một loại thi-phẩm thuật-truyện vừa có *tánh-cách anh-hùng* và vừa có *tánh-cách huyền-bí*. Trước hết, đó là một loại thi-phẩm mà khả-năng gợi ý là óc tưởng-tượng, một thứ tưởng-tượng ngấm đầy trong sự *dị-thường* đến mức-độ tạo nên một thế-giới vượt to hơn cả tạo-vật thiết-thực; tiếp theo, đó là một loại thi-phẩm thuật-truyện phô-bày một dây biến-cổ trong đó pha-trộn những sự tả-cảnh, những sự tả hình-dạng tánh-tình, những cuộc đối-thoại, những lời kêu gọi hô-hào: nhưng sự *trường-thuật*, sự *thuật-truyện* vẫn là điều *chánh phải nổi-bật hơn hết*. Thời xưa, sự thuật-truyện, đã phát-triển một cách dễ-dàng theo lối quen-thuộc của các nhà kể-chuyện, với rất nhiều sự so sánh thường rút ra giữa thiên-nhiên và đời sống, cho nên có rất nhiều đoạn thuật-truyện dài-giọng như trong trường-hợp của Homère, mẫu nhà-thơ anh-hùng-ca; Horace có lần cười nói: « Thi-sĩ Homère, thỉnh-thoảng, ngủ gà ngủ gật ». Ngày trước, còn có sự lẫn-lộn giữa lịch-sử và huyền-thoại, giữa sự tưởng-tượng và thực-tế, thời bấy giờ, nhà-thơ còn là những người kể chuyện hấp dẫn; do đó, sự phong-phú biến-chuyển và ngây-thơ đánh dấu loại thuật-truyện hào-húng thơ-mộng. *Odyssée* của Homère có những hai mươi bốn ca-khúc, mà mỗi ca-khúc đếm đến bốn trăm, năm trăm, sáu trăm, bảy trăm, đôi khi, tám trăm câu thơ.

3) Bầu không-khí trong anh-hùng-ca :

Ở một phần trên đây, chúng tôi có nói : « Tất cả những anh-hùng-ca sơ-thủy đều có một khởi-điểm lấy trong lịch-sử.

Mọi biến-cổ quan-trọng (trận chiến-tranh thành Troie) hay được coi như quan-trọng (sự thất-bại tại Roncevaux) đều được óc tưởng-tượng binh-dân phóng-đại và biến-thành một câu chuyện huyền-thoại. Nhưng với một điều-kiện là phải không có sự can-thiệp của óc phê-bình, thì sự hư-tưởng và sự sai-lệch « về ngày tháng niên kỷ » mới có thể chấp-nhận được trong anh-hùng-ca. Điều này có nghĩa là trong loại anh-hùng-ca, có mang một cái gì to-lớn hơn, huy-hoàng hơn thực-tế; những khối óc quá thực-tế không làm sao nắn ra được những áng-văn kỳ-ảo, huyền-hoặc. Do đó, có nhiều biến-cổ trong thời-đại tiến-hóa của chúng ta như cuộc Cách-mạng 1789 của Pháp hay cuộc Cách-mạng Tân-hội của Trung-hoa hoặc cuộc Cách-mạng ngày 1-11 của chúng ta đang chờ-đợi những óc tưởng-tượng dị-thường để phát-sanh làm nhiều áng anh-hùng-ca. Thường thường thì những khối óc tân-tiến ngày nay của chúng ta không chấp-nhận cái nhìn lệch-lạc về những sự-việc qua ống-kính phóng-đại của loại anh-hùng-ca.

4) Những đặc-tính của các nhân-vật anh-hùng trong anh-hùng-ca:

Các huyền-thoại anh-hùng-ca tập-trung vào việc làm nổi-bật những người anh-hùng. Vì lẽ đó, các anh-hùng-ca của thời Trung-cổ bên Pháp xoay chung-quanh những nhân-vật chánh như Charlemagne, Guillaume d'Orange, nhà vua Arthur. Mỗi nhân-vật anh-hùng này lại cầm đầu cả một nhóm người lỗi lạc như Roland, Olivier, những chàng Hiệp-Sĩ của hệ-phái La Table Ronde. Về các đặc-tính của các nhân-vật anh-hùng, Jean Suberville, trong quyển *Lý-thuyết về Nghệ-thuật và về Loại Văn-phẩm*, trang 246-249, viết như sau :

a) Những người anh-hùng phải thuộc thời cổ-xưa : Con người vừa vĩ-đại vừa hèn-yếu; sự cần có một lý-tưởng khiến người ta đi tìm một thế-giới cao-cả, « không có trong thực-tế » hay « có một cách không hoàn-hảo trong thực-tế »; bởi vậy, chúng ta tìm cách quên-lãng cái hiện-tại tầm-thường. Con người tân-tiến, thường xa-dời với các tập-quán thông-thường và có lòng tin đối với sự tiến-bộ, hướng về tương-lai, còn con

người thời cổ, hay mơ-trưởng đến sự anh-hùng và cảm thấy thiên về nguồn-gốc hơn, lại qui mắt nhìn về dĩ-vãng. Trong cái trạng-thái nội-tâm đó, con người ngày trước cho rằng cái gì của thời quá-khứ cũng tốt-đẹp hơn. Và lại, sự lui lại trong thời-gian khuyến-kích các ảo-tưởng phát-sanh : dĩ-vãng dường như xuất-hiện dưới hình-thức một thế-giới lý-tưởng vừa làm khích-động óc tưởng-tượng, vừa làm nẩy-nở tánh kiêu-ngạo của con người. Chính cái quyền-lực làm khích-động được anh-hùng-tính là căn-bản của loại anh-hùng-ca.

b) Những người anh - hùng có một thứ tâm-lý thường giản-lậu : giản-dị và hồn-nhiên, thô-lỗ và cộc-cằn, thường những người anh-hùng có một tâm-hồn thuần-nhứt của một dân-tộc cổ-sơ. Những nhân-vật này nhận-lãnh một tinh-từ chỉ tánh-cách hay một hình-dung-từ chỉ bản-chất như một thứ tên họ quen-thuộc : Achille nhanh-chân, Agamemnon thủ-lãnh các dân-tộc, Naucicaa với đôi cánh tay trắng, vị hoàng-đế râu-hoa, Roland can-đảm, Aude con người đẹp.

Những nhân-vật đó, đàn ông hay đàn bà, là những con người dễ bị khích-động, vì nội-tâm sôi-động nhiều đam-mê dữ-đội và mâu-thuẫn. Achille có những cơn giận « xung-thiên », phát ra nhiều lời-lẽ đe-dọa nặng-nề của những giống người miền nam ; ông ta nguyện-rủa Vua Agamemnon là súc-sanh và là con của súc-sanh và huy-động lưỡi gươm trước mặt vua Agamemnon ; ông ta lại hét-mắng Hector, khi sắp giết người này : « Trời hãy cho ta đủ sức-khỏe để ăn sống thịt của nhà ngươi ! ». Achille lẳng-mạ xác chết của kẻ thù, đâm lủng bàn chân, cột bằng dây gân rồi buộc vào chiến-xa mà lời thầy chạy cho tan-nát ; khi Priam là cha của Hector đến xin xác của con, thì Achille khóc rống lên và trả cái xác của Hector, trao cho Priam mang đi. Mẹ của Hector nhìn xác con mà khẩn cùng trời « Hãy cho ta đủ can-đảm ăn gan thẳng giặc Achille. »

Mặc dầu những lời-khuyên sáng-suốt của Olivier, Roland, người can-đảm, không chịu dùng cái còi để gọi viện-binh của Charles, đang duyệt binh :

..... Xin Chúa tha-thứ

Con không bao giờ muốn nghe người sống nói

Con đã dùng còi vì sợ bọn ngoại-đạo !

Hãy nguyện-rủa kẻ nào có trái tim hèn-nhát trong lòng.

Rồi khi Roland thấy « cảnh đại-bại của đoàn quân của mình », thì than-thở : « Hỡi nước Pháp hiền-hòa và xinh-đẹp, nàng phải sống góa-bụa, vì mất những con người chiến-sĩ cừ-khỏi rồi ».

Olivier nói : « Đó là lỗi của ông,

Bao nhiêu người Pháp chết vì sự điên-rồ của ông,

Và từ đây chúng ta không còn phụng-sự Hoàng-đế được nữa ».

Và hai người, Roland và Olivier, cùng nhau khóc-lóc và than-thở.

Đàn-bà cũng trau-chuốt trong cùng một tâm-hồn đơn-thuần như đàn-ông. Khi Aude, người đẹp, hay tin tử-trận của Roland, nàng nói giản-dị :

« Lay Chúa tha cho con ! không màng đến các thánh, các thiên-thần ;

Không còn Roland, con, con làm sao sống nữa ! »

Nàng biến sắc, ngã dưới chân Charlemage ;

Thế là nàng đã chết ; Đức Chúa thương-hại linh-hồn nàng,

Các nhân-vật cổ-sơ này hiện ra với vẻ cứng-dờ và giản-dị oai nghiêm của các hình-tượng của các giáo-đường : Đứng thẳng, mắt nhắm nghiền, hai bàn tay chấp lại, cả thân hình vươn lên theo chiều của cái chết đã đúc thành.

c) Những người anh-hùng đều là bực siêu-nhân : Những người anh-hùng trong vở *Iliade* đều là những bán-thần, còn những nhân-vật trong *La Chanson de Roland* là những hiệp-sĩ siêu-nhân của Chúa Trời ; hai hạng người này đều thực-hiện những công-trình vượt vòng tạo-vật và thuộc loại phi-phàm. Những đấng bán-thần có một sức ăn huyền-thoại, cắt cổ một con bò, dùng tay lột da, nấu chín rồi nuốt ráo hết, Agamemnon

cho Ajax nguyên cái lưng bò. Những nhân-vật này có giọng nói, nhượng chân và bắp thịt phi-thường. Con trai của Pélée hét lên một tiếng vang rền khắp bãi biển, đồn binh và thành-phố, và làm cho bọn Troyens nghe phải mất vía. Người anh-hùng này rượt đánh Hector, chạy bộ ba vòng quanh thành-lũy.

Ajax, một mình, kháng-cự với hàng ngàn người. Những người anh-hùng này lại so tài thử sức với cả các bậc thần, đôi khi, đả-thương các vị thần nữa. Homère có nói : « Ngày nay không có một người phàm nào có thể đương-đầu lại với những người anh-hùng đó ».

Roland và thập-nhị tướng cũng là những người phi-phàm, giết không biết bao nhiêu người Sarrasins : « Trăm ngàn người mà không sống sót được hai mạng ».

d) Những người anh-hùng toàn là anh-hùng quốc-gia. Những nhân-vật này chỉ bước vào huyền-thoại, bởi, vì người dân trông vào họ, không những để thỏa-mãn lòng ham-mơ sự vĩ-dại, mà còn để thỏa-mãn lòng kiêu-hãnh quốc-gia. Những người anh-hùng tượng trưng cho các đức-tánh của giống nòi hay ít ra người dân nghĩ như vậy. Achille và Ulysse chống đỡ cho tổ-quốc Hy-lạp, còn Roland là người hiệp-sĩ Pháp, rất tự trọng về danh-dự và can-đảm đến mức điên-rồ.

e) Những người anh-hùng không những đại-diện cho một giống nòi, mà cho cả một thời-đại và cho cả một nền văn-minh. Quyền *Iliade* là bức tranh của cái thế-giới huyền-hoặc, phong-kiến và võ-biễn, vang-động những huyền-náo của các cảnh-trọng nghị-trường và khua rền những va-chạm các thứ võ-khí tất cả đều hướng về chiến-tranh và về sự thâu-đoạt chiến-lợi phẩm. Bộ *Odyssee*... « là một thiên trường-ca về sóng nước, một thi-phẩm minh-mông, phức-tạp, nhiều màu-sắc luôn luôn thay-đổi và lộng-lẫy... biểu-hiện cho chính linh-hồn của cả một dân-tộc ». Quyền *La Chanson de Roland* là bức họa của thời Trung-cổ Hiệp-sĩ của nước Pháp, bức tranh của cái thế-kỷ XI đầy anh-hùng-tánh và thích phiêu-lưu mạo-hiểm, phát-động nhiều

lần thập-tự-chiến và dựng nên nhiều vương-quốc theo Gia-tô-giáo. Về tập *La Divine Comédie* của Dante, Villemain rất có lý mà quả-quyết rằng anh-hùng-ca là « tòa lâu-đài hoàn-hảo đầy-đủ của óc tưởng-tượng và của các tín-ngưỡng của một dân-tộc, bộ bách-khoa tự-diễn của một thế-kỷ ».

g) Những người anh-hùng là người điển-hình hơn là những cá-nhân : Huyền-thoại không tự giới-hạn trong việc « lý-tưởng-hóa » nhân-vật và các động-tác cá-nhân của các vị anh-hùng, mà lại « gá » cho họ những công-trình của các bậc anh-hùng khác xuất-hiện ở các thời-đại khác ; huyền-thoại giản-lược-hóa mà không lưu-ý đến sự sai-biệt về thời-gian và về con người, do đó, huyền-thoại tạo ra những nhân-vật điển-hình « làm mẫu » mà hướng vào đó tất cả tập-quán, truyền-thống của một dân-tộc.

Alfred Croiset, trong *Lịch-sử Văn-chương Hy-lạp* (*Histoire de la Littérature grecque*), viết : « Những truyện-thuật đời xa lẫn lẫn những người mà trước kia chúng được qui vào, lơ-lửng một lúc không thuộc về ai, rồi rơi về với những nhân-vật được quảng-đại quần-chúng chú-ý ». Bởi vậy, Charlemagne khống-chế cả thời-đại Trung-cổ về mặt tinh-thần ; dân-chúng qui về Charlemagne tất cả những truyện-thuật, tất cả những hành-động của những nhân-vật ra đời trước và sau đó ; do đó mà người chiến-thắng quần Á-Rập là Charlemagne, chứ không phải ông nội của Người là Charles Martel ; người cầm đầu chỉ-huy thập-tự-chiến là Charlemagne, chứ không phải Godefroy de Bouillon. *Cuộc đời kỳ-lạ phi-thường của các nhân vật anh-hùng được « đời về trước » và được « lui lại sau » đối với các khoảng thời-kỳ thực-sự*. Sự « sai chạy » vừa kể dồn-trữ và làm thay sắc những « kỷ-niệm của quần-chúng » trong sự bức-xạ rực-rỡ và hấp-dẫn. Nhưng tại sao người ta làm rạng-rỡ khuôn-mặt của Charlemagne, mà không của vua Saint Louis ? Loại anh-hùng-ca được nảy-mầm và thành-hình rồi thanh-hành hồi thế-kỷ thứ XI và thứ XII ; vua Saint Louis xuất-hiện quá trễ hồi thế-kỷ thứ XIII.

h) Những người anh-hùng có nhiều đặc-tính khác : Ở đây, chúng tôi muốn nói, không phải sự khác-biệt của các tánh-tình của các nhân-vật trong cùng một thời-đại, mà sự khác-biệt trong sự quan-niệm người anh-hùng trong anh-hùng-ca một cách tổng-quát, tùy theo các bản anh-hùng-ca. Vì lẽ đó, các anh-hùng-ca thường nói về chiến-tranh, như *Iliade*, *La Chanson de Roland*, nhưng không bắt-buộc phải như vậy. Cứ xem bộ *Odyssée*... « là anh-hùng-ca của các thủy-thủ, của biển-cả, ca-hát, reo-hò, mỉm-cười, ru-ngủ, đu-đưa và cầu-xé; Émile Fagué, trong *Revue des Deux Mondes*, ngày 1, tháng Giêng 1902, trang 173, viết : « Odyssée... là anh-hùng-ca của sự từ-giã tổ-quốc ra đi, vì tánh ham phiêu-lưu, vì chuyện mưu-sanh, vì sự kinh-doanh, luôn luôn thương-tiếc, luôn luôn nhớ-nhung và luôn luôn xa-cách lưỡng thương. Quyền *Mireille* của Mistral là một bản anh-hùng-ca có tánh-chất màu-sắc đồng-quê : Mireille, người con gái trẻ đẹp của miền Provence, hoa-hậu của giống-nòi, tâm-hồn vừa hăng-hái vừa trong-sạch, hồn-nhiên và vui-vẻ trong đức hy-sanh, kiên-nhẫn và gan-dạ khi cần « xã-thân » ; và trước mặt Mireille là gã con trai tên Vincent, cũng cùng gốc Provence, với nước da sạm, đôi mắt huyền, với trái tim nồng-nhiệt, khối óc linh-hoạt, con người hùng-biện, can-đảm, và đẹp trai, kiêu-hãnh, và cao-quí, nhưng lại là một người thợ đan đồ mây, với tên tuổi lu-mờ, có ai biết đó là người anh-hùng.

5) Các nhân-vật phụ-thuộc :

Nếu các anh-hùng-ca cổ-sơ làm cho nổi-bật các nhân-vật chinh-chiến, thì lại lồng-khung những nhân-vật này giữa một đoàn người đại-diện cho các tầng-lớp của cái xã-hội cổ-thời. Nhà vua già Priam, thầy bốc-sư Calchas, người bảnh trai Pâris con người xấu-xí Thersite, bà hoàng-hậu già Hécube, nàng trẻ Andromaque, những bà-lão của thành Troie trong quyền *Iliade*; nhà vua Alkinoos, thầy tướng-số Tirésias, nhà thi-sĩ đại Demodocos, những người tranh ngôi, tên ăn mày Iros, lão già Laerte, người chăn heo Eumée, người vợ trung-tín Pénélope

nàng trẻ đẹp Nausicaa, mù đầy-tớ già Euryclee trong tập *Odyssée*. Bộ *La Chanson de Roland* nói đến chiến-tranh từ đoạn này sang đoạn kia, chỉ có một người đàn bà xuất-hiện vào hồi cuối để nhận lấy cái chết : Aude, con người đẹp và vị hôn-thê của Roland : Người đọc thường tự hỏi cái hồi ngắn-ngủ và cảm-động này có phải là đoạn đặc-sắc không ? Trong các vở thi-phẩm tượng-trưng cho các xã-hội phong-kiến, thì địa-vị của quần-chúng luôn luôn bị lãng-quên, luôn luôn không kể đến ; người dân chỉ có mặt dưới hình-thức của những tiểu-tốt trong đoàn quân, làm vật hy-sanh, bị nghiền-nát trong các trận đánh do các bậc anh-hùng phát-động. Dấu-hiệu của thời-đại là vậy.

Sự-việc xảy ra một cách khác trong bản anh-hùng-ca có đặc-tính đồng-quê và có tánh-chất gia-tô-giáo như trong quyền *Mireille* : Đó là đời sống của vùng Provence với các mục-đồng, các nhà cày-ruộng, những lính-vệ, những thủy-thủ, những người đàn bà nuôi tắm, thầy Ramon, thầy Ambroise, người dạy bò-đấu tên Ourrias, mẹ của Mireille là Jeanne-Marie, con mù phù-thủy tên Taven, Norade và những thân-chủ trẻ đẹp của mù...

Chúng ta cũng đừng quên những bạn lu-mờ và khiêm-tốn của loài người : Argos, con chó già, biết nhận ra Ulysse chủ nó sau hai mươi năm cách-biệt, « ngoay-ngoay cái đuôi, nằm xuống cho hai tai rạp lại » và vui mừng lặng im như chết ; lại nữa, Veillantif, con ngựa tốt và giỏi của Roland. Rồi đến các vũ-khí, cũng có sự sống, biết tự huy-động trong tay của các bậc anh-hùng ; Lamartine đã chẳng nói : « Hỡi các đồ vật, các người có một linh-hồn không ? (Objets inanimés ! Avez-vous donc une âme ?)... » : Cái khiên thần-bí của Achille, do thần Vulcain tạo ra và những cây gươm linh-thiên như Durandal, cây gươm của Roland và Hauteclair, lưỡi kiếm của Charlemagne...

6) Sự huyền-diệu trong anh-hùng-ca :

Sự huyền-diệu, chất nhựa mật-thiết chạy lẫn vào các thơ cây của gốc cổ-thụ anh-hùng-ca, là sự biểu-hiện của các

quyền-lực siêu-nhiên trong đời sống của con người. Các dân-tộc cổ-sơ, cũng như bọn trẻ con, tin-trưởng hoàn-toàn vào sự huyền-bí kỳ-diệu; những giống dân sơ-thủy ngữ thấy các đấng-huyền-bí ẩn trong các đồ-vật, cũng như lũ con nít hình-dung có sự sống trong những con búp-bê của chúng. Con người, nhờ bản-năng vượt trên giới-hạn của tạo-vật, hay cho phát-xuất ngoài bản-thân những mối cảm-xúc, lo, sợ, vui, buồn. Chắc chắn, sự huyền-diệu là một yếu-tố át cả chủ-quan: Đó như một linh-cảm đối với một quyền-lực thượng-đẳng, cái linh-tinh của thần-thánh. Như vậy, sự huyền-diệu giao-cảm được với một vật vô-hình, mà có thực. Sự hư-tưởng bắt đầu, ngay khi óc tưởng-trọng gán cho các quyền-lực huyền-bí những hình-thù linh-động theo phương-thuật của thuyết sinh-vật đồng nhân.

« Những tiếng kêu của bầy chim bay ngang, tiếng hát chổi tai của con ve, sự nảy-nở xum-xê của cỏ gai, tất cả những đồ-vật nhỏ-nhút quen-thuộc đều làm cho con người cảm xúc như những lời nói vừa huyền-bí vừa rõ-rệt của bao nhiêu linh-hồn thi-thảm và gần kề với tâm-cảm của con người. Đó, chính cái đó giải-thích tại sao người Hy-lạp dựng ở khắp nơi những vị thần, không phải chỉ có cái tên và không phải chỉ là những quyền-lực vô-hình, mà là những nhân-vật sống-động, gần như rất quen-thuộc trong gia-đình. Alfred Croiset, trong *Lịch-sử của Văn-chương Hy-lạp*, trang 5, viết: « Biến-đổi bản-thể của các thần, người Hy-lạp trả lại cho các thần cái mà các thần đã cho họ. Sự sống từ bên ngoài du-nhập vào các thần đầy đủ hình-ảnh và cảm-giác; sự sống cũng xuất khỏi các thần và độn-nhập vào các vật mang nặng sự linh-thiên của các thần ». Debidour, trong quyển *Hương-vị Văn-chương*, tập hai, mục Bốn con đường của sự hư-vô hay Huyền-diệu, trang 35, cũng phát-biểu những ý-kiến gần gần như trên ».

Có một nhận-định quan-trọng: sự huyền-diệu chỉ là một thứ *tinh-cảm về thiên-nhiên ở trạng-thái cổ-sơ* của nó. Các nhà văn nghệ-sĩ cổ-điển bên Pháp, trong sự mô-phỏng cổ-chấp theo cổ-nhân, đã có cái sai-lầm là không làm cho cái *tinh-cảm*

về thiên-nhiên thoát khỏi cái hình-thức huyền-thoại mà nó bị trói buộc và pha-trộn vào đã hai ngàn năm. Đó, chính điều này đã cắt nghĩa được, tại sao, ngoài bà De Sévigné và La Fontaine ra, các nhà-văn cổ-điển của Pháp không nhận thấy hay ít lưu-tâm đến thiên-nhiên. Sau cuộc cách-mạng của trường-phái lãng-mạn, tình-cảm về thiên-nhiên, tách khỏi huyền-thoại của người ngoại-đạo (dưới nhãn-quang của người theo Gia-tô-giáo), trả về bản-chất độc-đáo nguyên-thủy của nó, trở thành một thứ bất-diệt: *Tình-cảm về thiên-nhiên là một môi-trường phong-phú cho sự sáng-tác thi-ca*, đồng thời, cũng là một nguồn *thi-hứng dồi-dào nhưt của thi-ca trữ-tình hiện-đại*.

a) Sự huyền-diệu trong nguồn thi-ca ngoại-đạo: Huyền-thoại là một hình-thức sùng-bái thần-thượng đối với tình-cảm thiên-nhiên. Nhưng huyền-thoại đi xa hơn thế-giới cảm-giác, cũng tác-động trong thế-giới tư-tưởng và tình-cảm; và do đó, huyền-thoại nhân-cách-hóa, không những các hiện-tượng vật-thể, mà cả các sanh-hoạt và ước-vọng của tâm-hồn con người. Nếu trái-đất trở thành thần Cybèle, sấm-sét, thần Jupiter, biển-cả, thần Neptune, lửa, thần Vulcain, thi lý-trí hóa ra thần Minerve, ái-tình, thần Venus, nguồn cảm-hứng, thần Apollon. Kiếp sống của con người nhận lấy những sự định-doạt của thần Định-mạng và của ba vị thần của Âm-phủ (theo quan-niệm cổ Hy-lạp). Số thần càng ngày càng đông, đạt tới con số ba chục ngàn vị tại thành La-Mã!

Cái nhìn về thế-giới dưới khía-cạnh huyền-thoại là khiến cho thần-linh tách-rời và biệt-lập đối với hiện-tượng thiên-nhiên, cái hiện-tượng này đã làm nảy ý-niệm thần-linh; cái nhìn dưới góc-độ đó cũng đã làm cho có nhà thi-sĩ đem so-sánh thần-linh với hiện-tượng thiên-nhiên, làm như hiện-tượng thiên-nhiên rất xa-lạ với thần-linh vậy. Sương-mù buổi sáng, bay lên từ các ngọn sóng, đã gọi lên hình-thù bốc-hơi mập-mờ của một nàng tiên mang tên là Thétis. Homère đã diễn-tả như sau: « Nàng tiên Thétis chập-chờn trên mặt biển trắng-xóa, như một làn hơi ».

Trong lãnh-vực riêng-biệt của anh-hùng-ca, sự huyền-diệu là sự can-thiếp trực-tiếp của chư thần trong các động-tác của con người. Cảnh-trí anh-hùng-ca chứa đầy sự hiện-diện của thần-linh.

Các thần của Homère đều là siêu-nhân, biết thiên-biến vạn-hóa, với cơ-thể huyền-bí, khi hiện, khi ẩn, rồi lúc lại tái-lộ bằng một sự dễ-dàng huyền-hoặc. Các đấng thần này bị các đam-mê của con người làm cho lay-động, nhất là sự ham-mê chinh-chiến, thứ đam-mê đầu sỏ của những con người cổ-sơ. Các nhân-vật huyền bí này trà-trộn và hoạt-động thật cơ-cực trong các cuộc chiến-tranh của người Hy-lạp và của người Troyens. Không những các thần gia-nhập vào đời sống của loài người, chiến-đấu cho loài người, mà còn chiến-đấu lẫn nhau,

Một cách vắn-tắt, cái làm cho thần phân-biệt với người, không phải cái thần-tinh, không phải tinh-thần công-bằng, cũng không phải lòng tốt, mà chỉ vì bản-chất bất-tử của các thần. Các thần được « hưởng phước đời », bởi vì có sức-khỏe phi-thường; những nét đặc-tính này không tùy-thuộc về khía-cạnh tinh-thần mà các người ngoại-đạo quan-niệm đối với các thần, mà đó là hình-ảnh trong ý-nghĩ của các người ngoại-đạo về các thần. Jean Suberville, trong quyển *Théorie de l'Art et des Genres Littéraires*, trang 251, viết: « Điểm sút-kém của các thuyết ngoại-đạo là thuyết ngoại-đạo đồng-hóa các thần với con người, trái lại, Gia-tô-giáo đem con người lên với Đức Chúa Trời. Chateaubriand biết ghi nhận quan-diểm này ».

Nhưng các thần của Homère là những nhân-vật sống; đó là một yếu-tố anh-hùng-ca quan-trọng bậc nhất. Người ta nhận thấy sự lầm-lẫn của cha Le Bossu, của Boileau, của các lý-thuyết-gia văn-học cổ-điển, vì họ cho rằng các thần chỉ là các máy-móc, không có sự sống. Theo Paul Albert, trong quyển *La Poésie*, mục Les dieux de l'Iliade, trang 34, thì cha Le Bossu cho rằng người ta có thể nói là phải dùng ở khắp nơi các máy-móc bởi vì Homère và Virgile không làm gì ngoài chuyện đó. »

vậy, cha Le Bossu nhận-định sai-lầm rồi, lấy văn-từ làm lý-trí, lấy vỏ cây làm trái cây. Một lần nữa, xin mạnh-dạn nhắc lại: « Các thần của Homère không phải là những phương-chức, những máy-móc, mà là những nhân-vật sống thực-sự đối với niềm tin của thi-sĩ. Nếu các thần tham-dự một cách tích-cực vào các biến-cổ tạo thành vật-liệu cho anh-hùng-ca, đó là trong lòng tin-tưởng của con người thời bấy giờ, các sự-việc xảy ra như thế đó ». Điều này, Paul Albert quả-quyết trong quyển *La Poésie*, mục Les dieux de l'Iliade, trang 34.

Trong kỷ-nguyên của người ngoại-đạo (nghĩa là trước Thiên Chúa), sự huyền-diệu trong huyền-thoại có một bản-tính tôn-giáo đối với các thi-sĩ cũng như đối với quần-chúng. Về sau, với sự tiến-bộ của nền văn-minh, sự huyền-diệu có bản-tính tôn-giáo duy-tri, đối với những nhà học-giả và quần-chúng nào có đôi chút văn-hóa, một phần giá-trị, nếu không được coi là thiêng-liêng, thì cũng được thừa-nhận bởi sự thờ-phụng công-cộng và bởi truyền-thống văn-học. Suốt thời-đại đó, người ta làm sao nghĩ khác hơn? Nhưng đến kỷ-nguyên Thiên Chúa, huyền-thoại trút sạch ý-nghĩa thiêng-liêng, không hàm-chứa sự sống nữa, và được coi ngang hàng như các hình-tượng của các thần, đã trở thành những món đồ mỹ-thuật. Sự huyền-diệu « ngoại-đạo » chỉ còn một giá-trị mỹ-thuật và văn-chương; sự huyền-diệu đó chỉ là một thứ suy-diễn cho « biểu-hiệu thi-ca về đời sống » và cho « biểu-hiệu về ngôn-ngữ ». Phải rồi, trong trường-hợp này, các thần chỉ là những máy-móc thiết-tha đối với những « tay làm những bài thơ cổ-xưa ». Nhưng anh-hùng-ca, viết ra bằng thứ huyền-diệu tàn-tạ này, mất hết sự sống và trở thành một loại qui-ước khô-khan. Dầu sao, cuộc cách-mạng, do trường lãng-mạn khởi-xướng, đem loại thơ anh-hùng-ca trở về các nguồn thiên-nhiên của nó, vừa có tánh-cách quốc-gia vừa có tánh-cách tôn-giáo, đã trả lại sự sống cho nó. Và đồng-thời, sự phê-bình lịch-sử, bằng cách loại-trừ sự huyền-diệu « ngoại-đạo » ra khỏi mớ lộn-xộn của tu-từ-học và bằng cách đặt lại sự huyền-diệu « ngoại-đạo » vào khung-cảnh cổ-xưa của nó, đã phục-hồi cho chúng ta

bản-sắc độc-đạo lôi-cuốn của nó. Sự huyền-diệu « ngoại-đạo » không còn đặt vấn-đề linh-nghiệm mà Gia-tô-giáo đã xóa bỏ vĩnh-viễn, mà chỉ có hứng-thú thi-ca phát-xuất từ đạo thiên-nhiên có tánh-cách huyền-thoại. Alfred de Musset, trong *Poésies Nouvelles*, có đoạn-thơ sau đây :

*Anh hãy nhớ tiếc cái thời mà trời trên mặt trái đất này
Đi và hô-hấp trong lòng của giống dân gồm các thần ;
Cái thời mà thần Vénus, Astarté, con gái của triều
thủy đấng,*

*Hồi còn trinh, làm rung-chuyển, những dòng lệ của
người mẹ*

*Và làm cho thế-gian sanh-sản, bằng cách vắn mái tóc
của mình.*

b) Sự huyền-diệu có bản-sắc gia-tô-giáo : Sự huyền-diệu này dung-nạp các biến-cổ và các nhân-vật lấy trong Kinh Thánh, Lịch-sử chư thánh, sách Giáo-lý và Đời các thánh. Đó cũng là những tin lời ngụ-ý và những giáo-điều của Đức Chúa Trời, những tin điều, những thánh-lễ, sự màu-nhiệm của ân-huệ Chúa, Lễ xin tội, Thiên-đường, Địa-ngục... Tóm lại, đó là sự huyền-diệu lịch-sử, thần-học và thần-bí của gia-tô-giáo.

Sự huyền-diệu « gia-tô-giáo » có tánh-cách trực-tiếp hay gián-tiếp. Trực-tiếp khi sự can-thiệp của Chúa Trời, của các thánh và của các yêu-quái diễn ra hiển-hiện, rõ-rệt và thể-hiện trong trường-hợp của các phép mầu, phép lạ. Gián-tiếp khi sự huyền-diệu xuất-hiện trong công-việc của thiên-huệ vô-hình, biểu-lộ ra ngoài bởi các động-tác chứng-tỏ sự hiện-diện của thiên-huệ trong các tâm-hồn. Khi Roland dùng tay mặt gơ cái bao tay lên Đức Chúa Trời và các thánh, từ trên trời xuống, nhận lấy, chúng ta đứng trước sự huyền-diệu trực-tiếp ; còn khi Roland dẹp bỏ lòng kiêu-hãnh và tỏ ra sám-hối tội lỗi, chúng ta lại có một thí-dụ về sự huyền-diệu gián-tiếp. Nhưng sự huyền-diệu trực-tiếp thích-hợp hơn cho anh-hùng-ca,

Ronsard, trong *Bài Thơ về sự Chết* (Hymne de la Mort), chịu ảnh-hưởng của quan-niệm gia-tô-giáo, phò-trương sự hiểu biết bác-học về huyền-thoại, kêu sự chết là « đại nữ-thần », kết-hợp Homère vào Thánh Kinh, nói đến nào Achille, nào Ajax, nào Circé và nào Đức Chúa Trời, đồng thời, gọi lên và pha vào :

*Tàng-đá của Ixion và dòng nước của Tantale,
Và Charon, và con chó Cerbère có ba tiếng sủa ;
Máu của Đức Chúa Trời trên Thánh-Giá giải-thoát người
khỏi những thứ đó.*

Đó là một thứ « pha-trộn đáng gờm » mà Boileau đã lên án một cách rất đúng. Nhưng còn một thứ « pha-trộn khác đáng tội hơn » đối với Boileau : *Thứ pha-trộn của các hư-tưởng thi-ca và các chân-lý của đức-tin, dầu trong một khung-cảnh thuần-túy gia-tô-giáo.*

Chúng ta không đồng-ý với Brunetiere, vì ông cho rằng « gia-tô-giáo đã trở nên thi-vị ở thời buổi của chúng ta, từ khi các chân-lý của đạo đó được coi như những hư-tưởng và những thần-thoại. Người ta có thể, như Boileau đã làm, đem *Tình Thương của Chúa* viết thành bài thơ, nhưng nguồn thi-hứng của Thánh Kinh không giữ được sự thiêng-liêng, một khi, đi vào thi-ca của Lamartine và của Victor Hugo ». Nói như vậy nghĩa là *đề-tài có tánh-cách tôn-giáo phù-hợp với thi-sĩ « chuyên giáo-huấn » vì, trong trường-hợp này, thi-sĩ trình-bày chân-lý của sự-vật, nhưng đề-tài có tánh-cách tôn-giáo không thích-ứng với thi-sĩ anh-hùng-ca, bởi vì nhà thơ này tạo ra những hư-tưởng ! Người lên án sự sử-dụng « huyền-diệu gia-tô-giáo » bằng cách võ-đoán rằng mọi sự huyền-diệu tự nó đã có bản-chất hư-tưởng và làm cho các chân-lý của tôn-giáo đi vào trạng-thái của huyền-thoại.*

Đó là một định-đề (rẻ tiền) chỉ dựa trên một lầm-lẫn thông-thường. Thật vậy, người ta nhận lầm nội-dung với hình-thức, tôn-giáo gọi-hứng với sự bố-cục anh-hùng-ca. Khi

Homère hay các thi-sĩ « phái Homère » viết *Iliade* và *Odyssée*, các nhà-thơ này đều ý-thức rằng để cho các thần can-thiệp vào đời sống của các người anh-hùng, họ đã bịa-đặt; nhưng họ tin-trưởng rằng sự can-thiệp của các thần có thể có được, bởi vì họ tin vào sự hiện-hữu của các thần và vào ảnh-hưởng của các thần đối với con người. Tác giả của *La Chanson de Roland* không bị lầm trong sự bịa-đặt, khi cho các thánh hiện ra vào phút hấp-hối của Roland; sự hiện ra này không có gì là « không-thật », bởi vì tác-giả tin vào phép-lạ. Khi Mistral cho các nữ-thánh Maries hiện trước mặt Mireille, sắp từ-giã cuộc đời, tác-giả không thấy sự xuất-hiện này là ảo-tưởng hơn sự hiện-hữu của Mireille, vì tác-giả tin vào sự tồn-tại thực-sự của các nữ-thánh Maries, và do đó, có cả đức-tin vào phép-màu Brunetière có thể ngò-vực lòng thành-thực tôn-giáo của Lamartine và của Victor Hugo, nhưng Brunetière không thể phủ-nhận lòng thành-thực của các thi-sĩ anh-hùng-ca, cũng như của Mistral. Chúng ta lại thêm rằng thái-độ của tác-giả *Le Génie du Christianisme* và *Les Martyrs* thì thật rõ-ràng là thái-độ của người sùng-tin. Như vậy thật là một điều sai-lầm mà quyết-đoán rằng các « chân-lý » tôn-giáo chỉ trở nên thi-vị, một khi bị « coi như những hư-tưởng và thần-thoại ». Chateaubriand lập-luận trái hẳn lại, và các tác-phẩm vừa kể trên của ông có khuynh-hướng duy-nhứt chứng-minh rằng gia-tô-giáo có bản-sắc thi-vị hơn huyền-thoại ngoại-đạo, bởi vì chân-lý gia-tô-giáo rất « thật ». Và chính khi nào sự huyền-diệu tôn-giáo mất cái bản-sắc thiêng-liêng này mà đức-tin coi trọng nơi tôn-giáo thì sự huyền-diệu mới biến-thành một thứ « máy-móc » và chúng ta rơi vào một loại anh-hùng-ca giả-tạo.

Bởi lẽ đó, sự sử-dụng huyền-diệu thiên-chúa-giáo cũng hợp-cách đối với các thi-sĩ kỹ-nguyên gia-tô-giáo như sự dùng huyền-diệu ngoại-đạo đối với các nhà-thơ trong thời-đại cổ-xưa.

c) *Sự huyền-diệu kỳ-quái* : Sau sự huyền-diệu gia-tô-giáo bắt nguồn trong sự tin-ngưỡng, chúng ta nói đến sự huyền-diệu kỳ-quái *khơi-mạch* vừa trong sự mê-tin và vừa trong sự tưởng-tượng. Từ-ngữ « kỳ-quái » chỉ sự không-thực, sự hoang-đường

sự tưởng-tượng. Sự huyền-diệu này bao-gồm trong động-tác của những quyền-lực thượng-đẳng có một bản-sắc thần-bí, các quyền-lực này tác-động dưới hình-thức bùa-chú, sự cảm-đỗ, các phép trừ-yểm, các trò yêu-thuật. Cái thực-tế phải nhường bước và tự biến-hóa theo nhịp của thứ óc tưởng-tượng vô-cùng phiêu-lưu; các định-luật vật-thể phải ngưng-động lại và bị đảo-lộn : thay vào đó, một cái « chia-khóa màu-nhiệm » mở cho các người anh-hùng cánh-cửa của xứ đầy mộng-tưởng với những biến-hóa vô-hạn.

Đó là những con rồng bay trong văn-chương Trung-hoa và Nhật-bồn; những sự biến-hình kỳ-lạ của các anh-hùng-ca Ấn-độ; con ngựa bằng gỗ-mun biết bay của Shéhérazade; cái còi mê-hồn của Huon de Bordeaux, đã từng làm cho bọn người Sarrasins đứng công im-lặng như những tảng đá; cái vòng thần-thông trong đó nàng tiên Viviane bắt giam Merlin l'Enchanteur; cái bình-lọc bí-mật kết-hợp vĩnh-viễn Tristan và Yseult; cái máy-nước huyền-ảo của Chevalier au Lion mà vài giọt nước rơi xuống đất làm phát-động những trận giông-tố hải-hùng; cây giáo có tra ngọn lửa đánh xuống, như sấm-sét trên đầu của Lancelot.

Sự huyền-diệu kỳ-quái, bên Pháp, rất quen-thuộc với chúng ta, là thứ huyền-diệu của người Celte được du-nhập vào nước Pháp hồi thế-kỷ thứ XII trong các tiểu-thuyết thơ-mộng anh-hùng-ca của thi-hệ Breton.

Đó là những cuộc du-lịch trong xứ của người chết; những trận đánh kỳ-dị và lòng bác-ái kỳ-dị giữa loài người và loài thú; những nhân-giới kỳ-quái về vô-hình và về tương-lai; con người có thiên-bẩm về khoa-học và về quyền-lực siêu-nhiên; loài thú thông-minh và cường-mạnh hơn con người; những cái vạc, những ngọn giáo, những cây, những máy-nước huyền-ảo, những cuộc phiêu-lưu và hành-động kinh-thường mọi huyền-lực, bất-cứ từ đâu và bất-cứ của ai. Theo bề ngoài mà nhìn, phép-màu là cái luật duy nhất trong cái thế-giới kỳ-ảo này; trong đó, con người rộng thả

bước phiêu-lưu, chắc-chắn là vô-trách-nhiệm, bị các quyền-lực thúc-dẩy khích-thích và hành-động. Có cái thiện-cảm minh-mông đối với động-vật và đồ-vật, có sự lo-âu, có tánh hiếu-kỳ gay-gắt đối với bèn-kia thế-giới, tất cả ngần ấy thứ thấm nhuần loại thi-ca này và lưu-lại một âm-vang không-quên-được.

Chúng ta hãy lưu-ý là sự huyền-diệu kỳ-quái không có bản-sắc rục-rỡ của sự huyền-diệu ngoại-đạo lấy trong cảnh-trí thiên-nhiên và không có sự thuần-lương tinh-thần của sự huyền-diệu gia-tô-giáo ; sự huyền-diệu kỳ-quái được nắn ra theo hình-ảnh của giống dân Celte, dân-tộc này dùng bản-năng giải-quyết các vấn-đề vật-chất dưới hình-thức lý-tưởng, cái mà sau này nền văn-minh La-mã và gia-tô-giáo không làm sao gạn được sự mê-tin ra khỏi nguồn thi-hứng.

d) *Sự huyền-diệu biểu-tượng* : Sự huyền-diệu này bắt nguồn nơi óc tưởng-tượng do sự dùng phối-hợp về các hình-thái của bút-pháp: sự biểu-tượng, thần-thoại và nghĩ-nhân-pháp.

Sự huyền-diệu biểu-tượng, thật ra, là tất cả những thứ nhân-cách-hóa. Tất cả các hiện-tượng thiên-nhiên, các động-tác nhân-loại, các biến-cổ lịch-sử hay các sự biểu-hiện của đời sống tâm-lý, các tật xấu, các đức tốt, những ý-tưởng to-lớn trừu-tượng và các cấu-tạo tư-tưởng thuần-sắc đều mặc lấy những hình-ảnh, hình-thái và tiếng nói.

Tin-tức về cuộc hôn-nhân sắp tới của Didon và Énée trở thành, trong quyển *L'Énéide* của Virgile, một người mang tên là « nàng Tin-Đồn », nàng tiên với thân-hình đầy lông mà dưới mỗi chiếc lông, ôi huyền-bí ! có dấu đôi mắt luôn luôn mở trao-tráo, cái miệng luôn luôn bép-xép, đôi tai luôn luôn chăm-chú : Nàng Tin-Đồn rao khắp các châu-thành.

Nhà thi-sĩ anh-hùng-ca Bồ-đào-nha Camoens, trong *Les Lusíades*, làm cho hiện ra *Thần-Bảo-Tổ*, khi đi qua mũi Hảo-vọng. Victor Hugo dựng lên tại chiến-trường Waterloo, hồi cuối trận đánh, con yêu-quái là *Quỉ Tán-Loạn* :

*Đột-ngột, cất tiếng kêu thất-vọng,
Quỉ Tán-Loạn, thân-hình không-lỗ, mặt nhón-nhát,
Tái-mét...*

*Trong nhiều khoảng thời-gian, con quỉ làm bằng khói,
Thân-hình vươn to lên lên giữa các đoàn quân,
Quỉ Tán-Loạn hiện ra trước người binh-sĩ đang nao-núng,
Và vẫy tay, hét to : « Trốn đi ! Trốn đi !... »*

Sự huyền-diệu biểu-tượng không thoát-thai, như các sự huyền-diệu kể trên, từ một tin-ngưỡng hay từ một óc tưởng-tượng sơ-thủy ; do đó, sự huyền-diệu này thiếu sự thành-thật căn bản ; vì vậy, sự huyền-diệu biểu-tượng là *một kỹ-thuật văn-chương* và hàm-chứa trong loại anh-hùng-ca giả-tạo hơn là trong anh-hùng-ca hồn-nhiên. Sự huyền-diệu biểu-tượng là một thứ « đá ngầm nguy-hiểm » nghĩa là những khó-khăn tột-cùng mà phải là một thi-sĩ có tài-năng thiên-bẩm mới tránh được, vì làm sao ban sự sống, linh-hồn cho những nguyên-tố vật-thể, làm sao tạo thân-xác cho những ý-niệm trừu-tượng thuần-túy ?

Chúng ta hãy suy-gẫm sự thất-bại của Voltaire, nhà-văn không có thiên-tài về loại anh-hùng-ca, không đạt nổi sự huyền-diệu biểu-tượng trong cuốn *Henriade* : Lần-lượt, người ta thấy hiện ra Người Kiêu-Ngạo, Bà Giận-Dữ, Cái Chết, Nàng Ganh-Tị, Người Khoái-Lạc, Chàng Bi-Mật, Người Ham-Mỡn, Người Góm-Ghiết, Người Bất-Hòa bay đi La-mã để gặp Chánh-Trị-Gia mà đem về Ba-lê. Người Bất-Hòa xúi-giục Nàng Ái-Tình làm cho vua Henri IV bị lạc-hương về sự chiếm-đóng kinh-đô. Cuối cùng Nàng Sự-Thật đánh-thức tướng Béarnais ; Người Bất-Hòa bị Nàng Công-Bằng đánh bại.

Theo như mọi người biết, Voltaire thất-bại hoàn-toàn với sự dùng huyền-diệu biểu-tượng.

e) *Sự huyền-diệu siêu-nhân* : Sự huyền-diệu này khác với :

— Sự huyền-diệu biểu-tượng, ở điểm sự huyền-diệu siêu-nhân không diễn-ý bằng hình-ảnh, mà *các từ-ngữ được dùng với nghĩa rất chính-xác và trực-tiếp.*

— Sự huyền-diệu kỳ-quái, ở điểm sự huyền-diệu siêu-nhiên không cản-ngăn các quyền-lực vật-thể, mà làm cho các quyền-lực này rộng-lớn hơn, không làm sai-lệch thiên-nhiên, mà phóng-đại thiên-nhiên bằng cách làm nảy-nở sự kỳ-diệu trong chiều-hướng tự-nhiên của sự-vật.

— Sự huyền-diệu gia-tô-giáo hay ngoại-đạo, ở điểm sự huyền-diệu siêu-nhiên không có màu-sắc tôn-giáo, mà chỉ có bản-chất « thuần-túy người » cho đến sự quá-mức.

Sự huyền-diệu siêu-nhiên đã lộ ra trong sự huyền-diệu tôn-giáo, cái sau này đã đồng-hóa cái trước và làm cho cái trước mang dấu thần-tính. Thoát ra khỏi cái vỏ và cái nghĩa huyền-thoại các động-tác của Hercule, nếu không thuộc huyền-diệu siêu-nhiên, thì còn biết là gì nữa? Tất cả giống như cái sức ăn quái-dị và những động-tác của các người anh-hùng trong *Iliade* hay những cái « chém » mạnh bằng gươm của các hiệp-sĩ trong các vở anh-hùng-ca thời Trung-cổ bên Pháp.

Sự huyền-diệu siêu-nhiên ở trạng thái thuần-túy có một khởi điếm mới phát do trạng-thái lỗi-thời của mấy sự huyền-diệu kể trên trong vài trường-hợp và do sự chán-chè về một vài tánh-chất của những sự huyền-diệu, cổ-điển; đồng thời sự sút-kém về đức-tin cũng là một nguyên-nhân đáng-kể.

Trong lãnh-vực của sự huyền-diệu siêu-nhiên, Victor Hugo là một tay hạng thầy về nghệ-thuật khai-thác loại-này. Roland và Olivier đánh nhau nhiều ngày và nhiều đêm liên-tiếp bất-phân thắng bại. Roland mất cây Durandal; Olivier biểu liền cho Roland một gốc cây đốn sẵn.

« Hãy nhận lấy ». Roland mỉm cười : « Cây gậy này đã đủ cho tôi ». Miêng nói, Roland nhổ lấy một gốc cây sồi. Olivier bứng lấy một gốc cây du trong cảnh đồng...

Hai người đấu nhau, cầm kiếm, kinh-thiên, hết sức bình-sanh.

Với những cái đánh bằng gốc cây to, như những người khổng-lồ.

g) Sự huyền-diệu chủ-quan : Ấy là sự huyền-diệu của ảo-giác chiếu theo đó nhân-vật anh-hùng nhận thấy nhiều cảm-giác cùng ấn-tượng lạ-thường, không do các vật-thể « có thực » gọi ra. Sự huyền-diệu này chỉ phát-sanh từ tâm-hồn của các nhân-vật, thuộc loại tự-nhiên, tâm-lý và, đôi khi, cả tâm bịnh nữa. Bởi bản-chất của sự huyền-diệu chủ-quan có « vẻ thật », cho nên được chuẩn-nhận trong mọi đề-tài, trong cả những vấn-đề mới-mẻ, mà không mất màu-sắc huyền-diệu. Đó chính là một điếm lợi hơn, không-chối-cãi-được, đối với sự huyền-diệu khách-quan, cái sau này giả-định trước sự thành-thật của tín-ngưỡng hay sự tươi-thắm của óc tưởng-tượng. Về phần sự huyền-diệu biểu-tượng, thì sự huyền-diệu này trở nên phai-lợt trước sự huyền-diệu chủ-quan, như một thứ kỹ-thuật trước thiên-nhiên. Nhưng chúng ta cần ghi nhận bản-chất bịnh-hoạn trong sự huyền-diệu chủ-quan, bởi thứ huyền-diệu chủ-quan thường chỉ có được nơi những con người « mất thăng-bằng » do một chứng-bịnh thể-xác hay tinh-thần.

Do đó, trong thi-phẩm Shakespeare, lady Macbeth, chỉ một mình, thấy tay của mình vấy máu và con yêu Banco chỉ hiện ra với nàng mà thôi; trong vở *Andromaque* của Racine, chỉ có Oreste thấy được những sự giận-dữ và những con rắn hút gió trên đầu của những người kia; trong quyền *L'Aiglon* của Edmond Rostand, chỉ một mình Công-tước De Reichstadt thấy con quỷ của vùng Habsbourgs từ đáy tuyết hiện lên ở Hồi III, và ở Hồi V, một màn anh-hùng-ca thật-sự, các bóng ma của Đạo-Bình Vĩ-Đại xuất-hiện trong đồng-bằng Wagram. Khán-giả được hướng-dẫn thấy một cách tự-nhiên theo như sự thấy của các nhân-vật, nhưng khán-giả biết rằng các nhân-vật trong truyện bị ảo-giác chi-phối; do đó, sự huyền-diệu coi như rất tự-nhiên.

h) Sự huyền-diệu khoa-học : Sự huyền-diệu này xuất-hiện sau cùng, và là sự huyền-diệu tràn-đầy tương-lai. « Bởi vì thế-giới thực-sự mà khoa-học hé-mở cho chúng ta có giá-trị thượng-đẳng, cao hơn thế-giới kỳ-quái do óc tưởng-tượng tạo ra ». Đó

là ý-kiến của Renan trong quyển *Tương-Lai của Khoa-Học* (L'Avenir de la Science).

Renan lại viết tiếp : « Chúng ta hoài-công thổi-phồng những quan-niệm, những ước-vọng của chúng ta, chúng ta chỉ sáng-tác những vật cực nhỏ theo giá-trị của thực-tại của các sự-vật. Chúng ta thấy ngại mà nói rằng nếu sự huyền-diệu của hư-tưởng, cho đến bây giờ, đã được coi như rất cần-thiết cho thi-ca, thì sự huyền-diệu về thiên-nhiên (do khoa-học khám-phá), khi bị tách khỏi sự huy-hoàng của nó, sẽ tạo thành một thứ thi-ca một ngàn lần rực-rỡ tuyệt-diệu hơn một thứ thi-ca chính là thực-tại của sự sống ».

Con người đã tắm trong bí-mật : Hơn nữa, hiện nay con người lại tắm trong sự huyền-diệu. Các chìa-khóa của khoa-học loại xoay trong ổ-khóa của bốn yếu-tố : trái-đất, không-khí, lửa và nước ; các chìa-khóa này mở lần các bí-ẩn của vũ-trụ, từ các nơi đó bắn-tóe ra ồ-ạt sự huyền-diệu. Các mộng-tưởng cổ-xưa của con người, trùng-phùng với các phát-mình hiện-đại, không biết bao nhiêu lần, một cách huyền-diệu, biến-thành thực-tế và sự sống. Những con rồng huyền-thoại có đôi cánh, khắc ra lửa và đã bị các nhân-vật anh-hùng khổng-chế, dạy chó thuần-phục ; đó là những máy hơi nước, những con vật bằng sắt này trong lòng ngưng-ngún một tâm-hồn âm-u của than-đá, xít khói, thổi hồn hên hút gió rít lên từng chập, và chỉ qua một cái nút-bấm hay tay-vặn mà phát ra hay thổi lại sự « phóng-minh » mù-quáng, theo nhịp của các nòng-thụt và của các then-chuyển trên cặp đường-sắt song-song. Con Ngựa-Người trong thần-thoại, ấy là con ngựa chạy bằng hơi nước, chiếc mô-tô hung-hăng và man-rợ, chiếc xe đua nổ lên từng tràng dài và rồn lên ở mức khởi-diểm, chiếc xe chạy như sao xẹt tung mình chinh-phục không-gian ; thần-thoại đó, ngày nay, đã biến-thành thực-tế, giấc mộng của con người đã hóa ra vật-thể linh-hoạt. Các động-cơ và chong-chóng xoay tròn không-thấy được và rú lên vù-vù ; các máy bay cất-cánh, thăng-cao

vụt-ngang, cắm-xương, nhào-lộn và bay không-ngừng, con chim đại-bàng thần-kỳ. Khoa-học đã vượt hẳn những điều kỳ-quặc nhứt của huyền-thoại ; không có óc tưởng-tượng nào có thể quan-niệm, không thần-thoại nào có thể liệu trước những biến-hóa thần-thông của năng tiên Điện và các sự tuyệt-diệu của năng tiên Máy Thâu-thanh. Và người ta nói gì về những viên-ảnh vừa khủng-khiếp vừa huyền-diệu của sự khám-phá bom nguyên-tử ? Đó là sự bí-hiểm của sức-mạnh này hoặc đem đến cho chúng ta một thời-đại hoàng-kim hoặc ngày tận-thế ?

Sự huyền-diệu khoa-học trong lãnh-vực văn-chương mới ở vào thời-kỳ đầu tiên khai-mạc của nó. Victor Hugo đã tới quá sớm, trong buổi bình-minh của các phép-mầu, để phóng-đại những hậu-quả của khoa-học trên thi-ca. Cái thiên-tài Jules Verne, trong các hư-tưởng hoang-đường, đã là người đề-xương thực-sự của sự huyền-diệu tân-kỹ này, mà về loại này, nhà đại thi-hào nước Bỉ, Verhaeren, đã tạo nên giọng-diệu anh-hùng-ca. Lần lần văn-chương đồng-hóa với thức ăn mới này tức sự huyền-diệu khoa-học, nhứt là sự đào-luyện khoa-học được chú-ý song-hành với sự đào-luyện văn-chương, và từ sự phối-hợp tốt-đẹp này, sẽ nảy ra một nền văn-hóa mới mà các kinh-nghiệm và các sự cải-cách giáo-dục tha-thiết nhắm vào ; muốn đạt tới mục-đích đó sớm, thì mọi người trong chúng ta phải cỡi bỏ những nguyên-tắc lỗi-thời của các khoa tu-từ-học cũ-kỹ và của các nghệ-thuật làm thơ cổ-lổ, đồng-thời, những kỹ-thuật đổi-mới và những thâu-hoạch tân-kỹ phải đổi mới tư-tưởng, tình-cảm, hình-ảnh, bút-pháp..., những lẽ-lối mới để quan-niệm, để cảm-xúc, để tưởng-tượng và để diễn-đạt phải trải qua trạng-thái của những thói quen và những phản-ứng, cuối cùng, sự sinh-hoạt trí-tuệ phải mặc lấy những hình-thức, màu-sắc và nhịp-diệu của đời sống mới. Chúng ta chưa đạt đến chỗ đó, chúng ta đang tiến về đó ; bên Pháp, những tiểu-thuyết của nhà văn phi-công Saint-Exupéry có phải là những bước đầu để tiến tới thứ văn-chương đó không ?

Thật ra, sự nghèo-nàn tương-đối, hiện nay, trong thi-ca và trong văn-chương có phải do cái tình-trạng giao-thời mà các nhà-văn nghệ-sĩ đang trải qua không? Giữa quan-niệm văn-chương và đời sống tiến-bộ, hiện đang có một sự chênh-lệch; đời sống tiến-bộ dẫn trước sự sanh-hoạt văn-chương. Nhà-thơ vẫn suy-tưởng và diễn-đạt trong những hình-thức cũ-mèm, không đáp-ứng được sự mong-chờ và sở-thích của những con người thời-nay. Tóm lại, nghệ-thuật đã « già », thời-đại thì « trẻ » : Thế nào rồi đây, cũng có sự đổi-mới trong văn-chương.

(Còn tiếp)

Việt-nam Đại-học Tùng-thư

Các bạn sinh-viên muốn trau-dồi thêm kiến-thức,
nên tìm đọc những sách do VNĐHTT ấn hành :

<u>ĐÃ XUẤT BẢN :</u>	Toán Tĩnh-diện	của Ricoux
	Toán Điện-học	của Dévoré
	Toán Quang-học	của Dévoré
<u>SẮP XUẤT BẢN :</u>	Toán Vật-lý	của Tétrel
	Toán Quang-học	của Ricoux
	Toán Nhiệt-động-học	của Ricoux
	Toán Vật-lý	của Bruhat

Về sách của VNĐHTT, xin hỏi
Ông PHẠM LONG-ĐIỀN
số 51/7 đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn

ĐỊA-CHỈ LIÊN-LẠC :

Có gì, xin viết thư cho
Ông AN CƯ
393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo
— SAIGON —

GIÁ: 30\$
CÔNG SỞ 60\$